TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Trở lại vấn đề cống người vàng... — *Hoa-Bằng*
* Quyển Thi-văn Bình-chú (XII) — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Tiểu sử cụ Thủ-khoa Nghĩa (Hết) — *Trực Thần*
* Lại chữ Lạc với chữ Hùng — *Ứng-Hòe*
* Nối lời Bác-sĩ Hézard (Hết) — *Liên-Giang*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, VIII) — *Phan khắc-Khoan*
* Khoa học Pháp... — *Nhật-Nham*
* Tả-quân Lê-văn-Duyệt (I) — *Nguyễn Triệu*
* Văn-hóa Đông-dương (IV) — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Cao-đẳng tiểu-học (I) — *Nguyễn-Nhân*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXIV) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 101**
Thứ năm, 1er Juillet 1943

0$30

TRIỀU-ĐẠI NÀO ĐÃ LÀM VIỆC CỐNG ẤY TRƯỚC?

HOA-BẰNG

TRONG Tri-Tân số 83, tôi đã dẫn và dịch bức thư của triều Tây-sơn phản-kháng nhà Thanh về lệ cống người vàng. Nay thử xét lại xem lịch-sử cống người vàng này bắt đầu từ bao giờ.

Trong nguyên văn bức thư triều Tây sơn ấy có những câu như: «..*Trần, Mạc lịch đại dĩ đúc tôi ư Trung-quốc...*», «...*phản dữ Trần cầm Ô-mã-Nhi, Lê sát Liễu-Thăng đồng luật...*» và *Nguyên, Minh nhị đại chi sở vi*». Thế nghĩa là tác-giả bức thư đó đổ thừa cho nhà Trần là triều-đại chịu cống người vàng đầu-tiên vì phải đền mạng Ô-mã-Nhi bị ta bắt sống và đục thuyền giết chết.

Có lẽ căn-cứ vào chút tài-liệu đó, ông Đinh-Lệnh-Uy có viết một bài bằng chữ nho đăng ở Nam-Phong số 96, ra tháng Juin 1925, dưới cái đầu đề « Lịch-sử thượng chi kim nhân » (N. P. phần chữ nho, trang 93-94).

Tôi xin dịch nghĩa ra đây:

«...*Đời xa, năm lâu, ký tái thất tường, khiến ngày nay người đọc sử phần nhiều vẫn chưa biết việc dâng cống người vàng là bắt đầu từ đời nào...*

« *Xét: khi quân Nguyên đánh Trần, hàng xuống du ép vua Trần vào triều-cận. Vua Trần chối lấy cớ rằng mình có Người Nguyên sức phải sắm người bằng vàng làm giống hình-dáng quốc-vương để thay sang triều-kiến.*

« *Vua Trần sợ quân Nguyên luôn đến xâm lấn khuấy rối, sinh-linh phải lầm than, cực chẳng đã phải nghe theo, dâng người vàng để cầu khỏi biến-cố: Đó là lần đầu-tiên dâng người vàng.*

« *Kịp khi vua Lê Thái-Tổ được nước, vì có giết Liễu Thăng, phải dâng người vàng thế thân để tạ nhà Minh.*

« *Họ Mạc cướp nhà Lê. Người Minh truyền đúc người vàng: dáng như tù-nhân, mặt bơ-phờ, đầu cúi xuống, dâng để chuộc tội.*

« *Đến Lê trung-hưng, lại đúc người vàng, thân đem tới tận Nam-quan, trình người Thanh xét nghiệm. Nhân bấy giờ họ Lê đã mất, họ Trịnh giúp Lê, làng nơi núi sâu kiếm lấy con cháu nhà Lê mà lập làm vua nước ta. Người Thanh ngờ là họ Trịnh nói lừa, chứ chưa chắc hẳn là tông-phái nhà Lê, liền sức bảo đúc người vàng đội mão, mặc trào-phục, dâng người ngửng lên: làm chân-hình vua Lê, để cầu ơn ở nước lớn.*

« *Về sau, khoảng giữa đời Lê trung-hưng mới được bãi bỏ.*

« *Đến đời Quang-trung nhà Tây-sơn, Phúc-Khang-An nhà Thanh lại vin lệ cũ, bảo rằng:*

—« *Mỗi khi thay triều đổi họ, nhà nào cũng phải có người vàng để thay tạ. Vậy sức-bảo sắm lấy một pho người vàng mà dâng biếu.*»

« *Song họ hàng Tây-sơn từ-chối, không chịu...*»

Rồi dựa vào tài-liệu bài ấy của ông Đinh-Lệnh-Uy, ông Thạch-Bồ-Thiên có đăng một bài trên tờ « Sông-Hương » số 19, khẳng-nhận cái thuyết cống người vàng là bắt đầu từ Trần đó.

Vậy nay ta thử duyệt lại án này xem việc cống người vàng có quả thật từ Trần làm trước như trong bức thư ngoại-giao đời Tây-sơn đã nói đấy không.

Trước hết ta nên xét rằng mấy nhà ngoại-giao dưới triều Quang-trung chưa hẳn đã kê cứu lịch-sử kỹ-càng rồi mới hạ bút viết thư cho tổng-đốc Lưỡng Quảng là Phúc-Khang-An đâu. Chẳng qua họ chỉ chú-trọng về mặt tranh luận với người Thanh để khỏi phải trễu vai ỏe cổ lại gánh cái « nợ Liễu-Thăng » ấy thôi, chứ còn Trần làm trước hay Lê làm trước có lẽ họ cũng không để ý đến lắm. Vì ngoại-giao là một chuyện, mà sử-học lại là một chuyện khác.

Về vấn-đề này, tôi xin chia ra từng phần mà nói cho rõ:

Cống người vàng chắc không phải trước từ đời Trần. — Nhà Trần từ đời Thái-Tông đến Minh-Tông (1225-1329) thật là thời-kỳ hùng-cường oanh-liệt. Có nhiều phương diện, nhất là về mặt võ-bị, in lại lắm nét vẻ-vang rực-rỡ trên trang lịch-sử Việt-Nam.

Ngang đầu đời Trần, người Mông-cổ xông vào nội-địa Trung-hoa, giệt nhà Tống (1), nhảy lên ngai hoàng-đế, làm chủ-nhân-ông ngót 400 triệu người. Thế rồi đứng trên Vân-nam, họ ngấp-nghé dòm sang mảnh đất Đại-Việt, sinh sự, gây chuyện rắc-rối trên trường ngoại-giao với Trần.

Vậy nay muốn biết Trần có phải là triều-đại đi đầu đem cống người vàng hay không, ta cần phải xét rõ tình-hình khi đó : ngoại-giao có hay không có hậu-thuẫn, quốc-quân chịu hay không chịu những khoản nhà Nguyên yêu-cầu, chiến thắng Mông-cổ là vì ưa-may hay vì có đủ thực lực... Sau khi chúng ta tìm đủ chứng-cớ để trả lời những câu hỏi đó rồi, thật không khó gì không phán đoán được việc cho nhà Trần đi đầu đem cống người vàng là hư hay thực.

Vậy tôi xin kể lại những việc Trần đối-phó với Mông-cổ ra sao để các bạn coi, bấy giờ ta sẽ hạ lời phê-phán.

Vua Trần Thái-Tông (1225-1258), tuy mới thay Lý bước lên ngai vàng, cũng là bực hào-hùng hăng hái, chứ có sợ gì quân Mông-cổ đâu.

Khi tướng Ngột-lương-hợp-thai đã bình được Vân-nam, Mông-cổ ngó mắt thèm-thuồng sang ta, định dùng võ-lực ra oai cho ta sợ mà phải khuất phục. Ngột-lương-hợp-thai, tướng Mông-cổ, bèn kéo binh vượt địa-giới, lấn lướt ta đến tận sông Thao.

Hàng phục chăng ? Không ! Vua Trần-Thái-Tông, để tỏ ta đây không sợ chính mình làm tướng, quyết một phen ăn thua với giặc ngoài.

Hai quân gặp nhau ở Thao-giang : Vua Trần thân chinh đốc chiến, xông-pha trong trận mưa đạn gió tên. Tuy vì quân ít hơn, nhà Trần trận đầu bất lợi, phải rút lui vào sông Phú-lương (tức sông Nhị) (2), nhưng sau gây lại sức hăng-hái, Trần Thái tử tiến quân lên bến Đông-bộ-đầu : lại kịch chiến với quân Mông-cổ, hái được đóa hoa « đại thắng » tốt-tươi. (3)

Lại được dân-khí bấy giờ rất hăng, thấy nước có giặc, ai nấy coi mình có nghĩa-vụ phải đi cứu nước. Nên chi, khi thấy quân Mông-cổ chạy lui đến trại Quy-hóa, tức thì Hà-Bổng, chủ trại đó, nhóm lại các quân thổ-mán, xông đánh úp giặc, làm chúng đồ-bề tan tành. Đó là lần thứ nhất Trần đánh thắng Mông-cổ.

Trong trận này, ta thấy người Mông-cổ « khơi mào » ngay bằng võ-lực, chứ không dùng chính-sách ngoại giao : yên-cầu vua Trần Thái sang chầu.

Đến đời vua Trần Thánh-Tông (1258-1278), người Mông-cổ lại gây sự ! Muốn chạm trán với ta trên chiến-trường, họ lại làm mặt hạch-sách : sai sứ sang dỗ vua Trần Thánh vào chầu ! Cứng-cáp đề-kháng, vua chỉ sai người đem các quà lễ sang biếu thôi. Tới đây, tôi cũng không thấy sử chép ta phải đem cống người vàng chi cả.

Phần vì muốn thực-hành cai dã tâm thôn-tính, phần vì căm hờn cái nhục thua trận mới rồi, Mông cổ lại sai người sang trách ta sáu khoản :

1) chính quốc quân phải sang chầu ;

2) cho con em nhà vua sang làm con tin ;

3) biên số dân ;

4) phải góp quân lính ;

5) phải đóng sáu thuế ;

6) phải để người Mông-cổ đặt quan cai trị (4).

Nếu vua Trần nhượng bộ, chịu một trong sáu khoản đó, thì ta chẳng những thất-bại trong cuộc ngoại-giao, mà hẳn lại là chác lấy cái nhục giệt-vong nữa. Song cứ làm lơ, hoàng-đế anh hùng họ Trần không thèm trả lời Mông-cổ.

Chưa hết ! Người Mông-cổ còn làm già nữa. Sau đó, họ lại sinh sự hỏi vặn về dấu-tích cột đồng trụ. Cột đồng của Mã-Viện ! Nó là một cái quốc-sỉ của ta ! Chính nhờ tay nhà Trần, ta mới xóa được vết nhơ đó trên trang lịch-sử !

Đây, lời phản-kháng của nhà ngoại-giao ta hồi đó : « Cái mốc cũ bằng cột đồng trụ do Mã-Viện lập ra lâu ngày mất tích, nay không rõ ở vào nơi nào nữa ! » Hùng thay mấy lời đó ! Ấy chỉ vì nhà Trần có quân mạnh tướng ròng làm hậu thuẫn, nên mới dám dạn-dĩ trả lời nhà Nguyên như vậy.

Người Mông-cổ, thấy về mặt ngoại-giao, hễ trách hỏi một việc thì lại bị cự tuyệt một việc, bèn xoay qua chiến-thuật khác : Mông-cổ lấy nê rằng bây giờ đổi quốc hiệu là Đại-Nguyên, nhân dịp khánh hạ, mời vua Trần sang chầu

(Xem tiếp trang 20)

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 12

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VIII. — HỒ XUÂN-HƯƠNG

Về thơ Xuân-Hương, ông Ngô Tất-Tố nói « bây giờ không thể căn-cứ vào đâu mà biết chỗ nào là đúng, chỗ nào là sai ». Vì thế ông chép câu thứ nhất bài *Bánh trôi* « theo các bản xuất-bản gần đây » như sau này : « Thân em thì trắng, phận em tròn ». Bản chữ nôm của Trường Bác-cổ (*Xuân-Hương thi tạp lục*, số AB 620, tờ 7 a) viết là : « Thân em vừa trắng lại vừa tròn ». Nam chữ « vừa trắng lại vừa tròn » mới hệt viên bánh trôi, còn như « thân » với « phận » là tả cảnh người, không phải bánh trôi. Nhưng câu ấy, tôi thường nghe đọc lại rằng : « Của em vừa trắng lại vừa tròn », xem có lý hơn ; vẫn biết chữ « của » ở người đàn bà nói ra thì tục, nhưng thơ Xuân-Hương phần nhiều là thơ tục, có đem dịch ra tiếng nước ngoài, mới mất cái vẻ tục ấy đi.

Về bài vịnh quạt, ông Ngô Tất-Tố bỏ sót bài sau này, chép trong *Quốc-văn tùng-ký*, sách nôm của Bác-cổ, số A B 383, tờ 45 b :

Mười bảy hay là mười tám đây?
Cho ta yêu-dấu chẳng dời tay.
Mỏng dày chừng ấy tránh ba góc,
Rộng hẹp ngần nào cầm một cay
Càng nực bao nhiêu thì càng mát,
Yêu đêm chẳng chán lại yêu ngày.
Hồng hồng má phấn duyên vì cậy,
Chuà dấu vuà yêu một cái này

Theo luật Đường-thi, thì chữ thứ sáu (*càng*) ở câu thứ năm, đáng lẽ lẫ chữ trắc, cho nên có bản quốc ngữ chép là : « Càng nóng bao nhiêu, càng muốn mát » (Xuân-Lan, *Hồ-Xuân-Hương thi tập*, in lần thứ tư, trang 6) ; mới đọc thì dễ nghe, nhưng xét kỹ thì không bằng câu trên kia, sao theo bản nôm, vì câu này tác-giả dụng ý lấy hai chữ « càng » đối với hai chữ « yêu » ở câu dưới, nên không đúng niêm-luật cũng được. Chữ « chẳng chán » ở câu thứ sáu, có bản chép là « chửa phỉ » hoặc « chẳng phỉ »

Quyển *Quốc-văn tùng-ký* (sách nôm của Bác-cổ, số AB 383, tờ 51 b) có câu đưa giầu mời khách, chưa ai chép ra quốc-ngữ nay tôi sao ra đây để làm tài-liệu, chứ không phải tôi tin là chuyện có thật : « Có hai người khách đến chơi nhà Xuân-Hương : một người tên là Đề vào trước, ở chơi nhà trong, Xuân-Hương ở nhà giữa ; lại có một người tên là Đệ đến sau, mời ở chơi nhà ngoài. Xuân-Hương bổ quả cau làm hai, mỗi cơi quệt một nửa lá giầu, sai hai con hầu bưng đi mời hai người khách, mỗi cơi một mảnh hoa-tiên đề hai câu thơ rằng :

« *Thân này vì sẻ làm hai được,*
« *Nửa để trong nhà, nửa để ra* »

Xuân-Hương có vài bài nghe không lấy gì làm tục lắm, như bài *Qua đèo Ba Dội*, *Đá ông Chồng bà Chồng*, *Khóc ông phủ Vĩnh-tường*, v. v. ; có bài sách quốc-ngữ chép khác dam ba chữ, có bài không chép ; nay tôi theo bản nôm của Trường Bác-cổ sao lại như sau này :

Khóc ông phủ Vĩnh-tường.

Trăm năm ông phủ Vĩnh tường ôi !
Cái nợ ba sinh đã giả rồi.
Chôn chặt văn-chương ba thước đất,
Tung-hê hồ-thỉ bốn phương giời.
Hạt sương dưới chiếu cau mày khóc,
Giọt máu trên tay mỉm miệng cười.
Hăm-bảy tháng giời là mấy chốc !
Trăm năm ông phủ Vĩnh-tường ôi !

Câu thứ hai, có sách quốc-ngữ chép là : « Cái-thế thân, ra khác mất rồi », nghĩa là thân người có chí-khí hơn đời, nay đã khác hẳn rồi. Câu thứ tư, hai chữ « tung-hê » có bản chép là « ném tung ». Câu thứ năm thứ sáu, có bản chép là : « Cán cân tạo-hóa rơi đâu mất, Miệng túi càn khôn thắt lại rồi » ; tuy cũng là tả cảnh vợ chồng khi ly-biệt, nhưng câu sao lại trên kia, theo trong *Quốc-văn tùng-ký* (tờ 48 b), có lẽ luyện hơn, mà tình lại hẳn-thiết hơn.

Vịnh người vợ lẽ

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung !
Năm thì mười họa, hay chăng chớ,
Một tháng đôi lần, có cũng không.
Cố đấm ăn xôi, xôi cũng hỏng,
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.

Thân này vì biết nhường này nhỉ,
Thà trước thôi đành ở vậy xong!

Có bản viết : « Cố đấm ăn xôi, xôi lại hầm » : chữ « hầm » ấy không hẳ g chữ « bỏng » ở quyển *Quốc văn tùng-ký* (tờ 48 b), vì tục-ngữ có câu : « Xôi bỏng, bỏng không ». Chữ đầu câu thứ tám, có bản viết chữ « thì », nghe không bằng chữ « thà », vì chữ « thà » mới đúng vào lời của người vợ lẽ than thân tủi phận.

Vô đề

Mây tan, mưa tạnh, liễu xanh om,
Qua mái Thiền-quan ghé mắt dòm.
Ngoài cửa dang tay hai chú béo,
Trong gian chống gối một anh còm.
Chênh-vênh án kệ chuông vàng tía,
Lấp-lỏ siêu hương Phật đỏ lòm.
Tới cảnh lấy chi mà vãn cảnh,
Quỳ hai gối xuống khấn lom-khom.

Ba chữ « khấn lom-khom », có bản viết « gật xom-xom » (Nguyễn-hữu-Tiến, *Giai-nhân di-mặc, Sự-tích và thơ-từ Xuân-Hương*, trang 51) ; nhưng xét ra hai tiếng « xom-xom » là dáng-điệu của bọn thôn-phụ cãi lẫn nhau, không phải dáng khấn-vái.

Vịnh đá ông Chồng bà Chồng

Khéo khéo bày trò tạo hóa-công,
Ông chồng đá vậy, lại bà chồng.
Từng trên tuyết điểm phờ dâu bạc,
Thớt dưới sương pha đượm má hồng.
Gan nghĩa dãi ra cùng chị nguyệt,
Khối tình có mãi với non sông.
Đá kia còn biết xuân già giặn,
Chẳng trách tuồng ta lúc trẻ trung.

Chữ « phờ dâu bạc » ở *Quốc văn tùng-ký* (tờ 47 b), có bản viết là « phơ đầu bạc ».

Còn nhiều bài nữa, cần phải lấy những bản nôm ra mà kê-cứu, thì họa may mới khôi-phục được nguyên-văn. Xưa nay những bài văn nôm của người trước để lại, không thấy mấy quyển quốc-ngữ nói rõ xuất-xứ ở đâu. Về thơ Xuân-Hương, ông Ngô Tất-Tố nói có « một vị cổ lão » đã sưu tầm được ngót một trăm bài, hầu hết khác với những bài trong sách quốc-ngữ ; nhưng ông không trích lục bài nào cả, ông chỉ theo sách quốc-ngữ mà sao lại. Tôi thiết-tưởng như thế thì nhầm, vì phận-sự người Hán-học là phải sao ở các sách nôm sách nho, rồi những chỗ nào khác thì chú-thích cho rõ ràng ; nếu cứ chép theo sách quốc-ngữ, thì không bổ-ích gì : nhầm vẫn nhầm, thiếu vẫn thiếu !..

Cả đến tiểu-sử của các văn-nhân, cũng là phận-sự nhà Hán-học. Cụ Nguyễn-hữu-Tiến có làm một quyển *Giai-nhân di-mặc* nói về sự-tích và thơ-từ Xuân Hương, xem lý-thú lắm, nhưng có chỗ cụ nói cũng không được rành vì cụ không tra sách nho, như nói « ông chiêu Hồ người làng Dương loan, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương » (trang 22), lại chua thêm : « Hoặc truyền rằng : ông ấy ở làng Bình vọng, phủ Thường tín, Hà-nội, sau có ứng triệu đỗ Chế-khoa ». Nếu thật ông chiêu Hồ là Phạm Hàm-hồ, thì chính là tác-giả quyển *Vũ-trung tuỳ bút*. Ngay đầu quyển *Vũ-trung tuỳ-bút* (bản sao của Bác-cổ, số A 1297 tờ 1 a) có chữ « Đan-luân Phạm Tùng-niên » và câu « Dư sinh Cảnh-hưng chi-mậu-tý », nghĩa là « ta sinh năm mậu-tý hiệu Cảnh-hưng » (theo Tây lịch là năm 1768 ; như thế có thể đoán được rằng Xuân-hương cũng sinh vào khoảng ấy hoặc sau vài chục năm). Cụ Nguyễn-hữu-Tiến lại nói rằng ông chiêu Hồ « ứng triệu đỗ Chế-khoa » : tra trong *Đăng khoa lục*, năm Chiêu-thống thứ nhất (1787) có một kỳ thi chế-khoa, không có ông nào tên là Hồ ; đến đời Tự-đức (năm 1851) lại có một kỳ nữa, cũng không có ông nào tên là Hồ.

Tôi thí dụ mấy câu như thế để độc-giả biết rằng đối với văn-học cũng như đối với sử-học nước nhà, cần phải kê-cứu ở các sách nho sách nôm thì mới hòng tiến-bộ ; chứ cứ dựa vào sách quốc ngữ thì tam sao thất bản thành một thứ gia-truyền.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sắp có bán

QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN TUÂN

Gần 500 trang. — Ấn loát công phu. Bản thường : 4$50. Bản quí : 20$

Anh Hoa

69 Rue de Chanvre Hanoi

Thư và tiền đề tên

ô. Mai-Văn-Phấn

DANH NHƠN NAM-KỲ

TIỂU-SỬ

CỤ THỦ-KHOA NGHĨA

(1807—1872)

Số 3

của TRỰC THẦN

VỀ cái chết của cụ Thủ-Khoa, nhiều người ở làng Bình thủy bảo cụ thác về bịnh kiết lị, cụ vương lấy bịnh ấy cũng đã lâu ngày nên biến thành kinh niên. Người em vợ cụ có thuật lại như vầy : « Ăn Tết rồi, lối rằm ông Huyện Côn ở Cần-thơ (?) mời ngài xuống an giỗ. Chính tôi và một người nữa chèo cho ngài đi. Khi về mắc một đám mưa lớn quá. Ngài về nhà bị cảm nằm vùi. Chị tôi sợ rước đến bốn ông thầy thuốc tới coi mạch cho thuốc. Tội nghiệp ! mấy ông thầy coi mạch rồi, lên án cũng vô hỏi ngài, đầu thang cũng vô hỏi ngài. Ngài gắt lên, nói: « Mấy ông làm thầy sao hỏi tôi ? » Nói vậy chớ ngài cũng biết làm thuốc, chị tôi sợ rước thầy cho có chứng vậy, chớ ngài có uống thuốc của họ đâu! mà mấy ông thầy ấy cũng khó chịu. Ngài nằm ở trong mà mấy thầy nói chữ rân ngoài trước (chữ bao nhiêu mà nói !). Một lát ngài kêu tôi vào biểu ra nói với chị tư tôi dọn cơm cho mấy thầy ăn rồi mời về, để rầy lắm chịu không nổi. Bịnh ngài bề ngoài coi thì nặng, nằm mê-mệt, mà về tinh-thần thì ngài vẫn tỉnh-táo luôn. Trước ngày chết ngài có làm một bài « *ngọa bịnh ngâm thi* »

Vàn vàng khốn dễ sánh mình này,
Mình có ngày âu thác có ngày,
Non nước hỡi (hãi) còn đương bẩy-bã,
Đất trời sao nỡ khiến lay-vay.
Kho phong nguyệt hỡi (hãi) chan chan đó,
Vườn cúc tòng còn thớ thớ đây.
Bịnh cũ vừa an dành lại dậy,
Mặc dầu ngâm ngợi, mặc dầu say.

Qua hôm sau, ngài gọi mấy người học trò và tôi, nói rằng hết canh ba thì tắt nghỉ. Ngài nói một cách tỉnh-táo làm cho anh em tôi không tin, tưởng là ngài nói chơi mà thôi. Độ đúng ngọ ngài làm xung, anh em tôi xúm lại hơ, vuốt cho ngài, thì ngài chỉ còn hoi-hóp. Đến xế một chút, ngài tỉnh lại như thường. Ngài gọi anh em tôi vô nữa, dạy lấy viết (bút) mực chép những lời ngài nói. Chúng tôi thưa với ngài để mỗi người nhớ một câu cũng được, ngài không chịu. Ngài mới đọc cho tôi viết :

Lịch lịch đông bài tây chỉ,
huyền trượng tứ minh,
Phân phân võng kiết châu liên,
dữ thiên vi thê !

Ngài dặn chúng tôi phải giữ cho kỹ hai câu nầy, đừng mất đừng sai một chữ và đến khi ngài thác, nhờ thầy để làm bài châm thờ ngài. Chúng tôi thưa : Ở đây cũng có người an học giỏi, lựa là phải mượn người khác nước ? Ngài nói nội đây không có ai tài học bằng thầy để và không ai làm nổi một bài châm xứng đáng mà thờ ngài. Hai câu ngài vừa đọc, mỗi chữ có một ý nghĩa, chính là để làm bài châm, phải nói thầy để biết. Ngài lại nói : Hồi trưa nầy, lúc ta mệt, làm xung, có một vì sao nhiễu ngay nóc nhà, là các vì tiên trên trời rước ta đi đánh cờ. Số ta hết rồi, canh ba nầy thì mất, các trò hãy coi chừng trăng mọc cho ta hay.

Kế từ đó ngài nằm thiêm-thiếp. Lâu lâu hỏi chừng trăng. Chúng tôi ở bên cạnh hầu ngài. Khi trăng lên đã cao, chúng tôi cho ngài hay. Ngài nói : « *Thôi ta đi đa* » ! Đoạn ngài tắt hơi (tài-liệu của ông P. V. T. rút trong *Thế-giới tân-văn* số 21 ngày 27-11-36 trang 16)

***

Bà *Lưu thị Hoán* để quản cụ ba tháng. Sự tốn kém rất nhiều, bà phải cố chợ Bình-thủy lấy tiền chi-phí. Khi chiếc quan tài nằm yên dưới huyệt, thì không còn đủ sức để dựng tấm bia xanh ! Nằm mộ đất nằm không, trơ-trơ giữa vườn tịch-mịch. Vườn ấy do cụ Thủ-khoa mua lại của ông Quản Sáng ; về sau con cháu bán cho cụ Trùm Neo, ngoại tổ của quan Đốc phủ Dương thân-Hỉ thường gọi là Đốc-phủ Hỉ, chủ nhơn hiện thời.

Trong những cao đồ của cụ, có ông Nguyễn giác-Nguyên tục kêu là Lão Thái (mất năm 1917) là chủ chùa Minh-sư « Nam-nhã-đường » cất trên bờ sông Bình-thủy, cách đường cái lối trăm thước. Người học trò ấy lập bài vị thờ cụ tại chùa.

Đối diện bàn thờ Phật, chính giữa là bài vị « Đương kim Hoàng-đế van vạn tuế », bên trái là bài vị « Bổn cảnh thành-hoàng », bên mặt là bài vị cụ Thủ-khoa Nghĩa Bài vị ấy như vầy : *Giải-nguyên tánh Đài, thụ Hữu-Nghĩa tào tiên-sanh chi thần vị.*

Hai bên dựa theo vách tường, có bàn thờ để thần chủ (1) của cụ Thủ-khoa và bà chánh-thất, kế-thất.

Thần chủ của cụ Thủ-khoa :

Phấn diện. — *Hiển khảo ất-vị giải-nguyên, hiệu Nghi-Chi, tặng Cương-Nghị phủ-quân thần chủ.*

Tự tử Bùi-hữu-Tú (2) *phụng tự.*

Hảm trung. — *Niên-canh đinh-mão, tốt ư nhâm-thân niên, chánh ngoạt (nguyệt) niệm nhứt nhựt, tí thời, thọ lục thập thất tuế* (3).

Cố phụ ất-vị giải-nguyên Nguyễn, húy Nghĩa, đệ tam hàng thần chủ.

Thần chủ bà chánh-thất : Nguyễn-thị-Tồn.

Phấn diện. — *Hiển tỉ giải-nguyên chánh thất, tánh Nguyễn, lụy viết Trinh-Thuận tiết-liệt nhụ-nhơn thần chủ.*

Hiếu tử Vang (4) *phụng tự.*

Hảm trung. — *Tử...*(?) *niên, thập nhứt ngoạt, (nguyệt) nhị thập tứ nhựt.*

Nam cố giải nguyên chánh thất, tánh Nguyễn húy Diệu, tự Tồn, đệ mạnh hàng thần chủ.

Những thần chủ nầy do cụ Án doanh điền *Nguyễn-hữu-Thông* viết (người lập Văn thánh miếu ở Vĩnh long).

***

Tại Nam-nhã-đường, lúc còn sanh tiền, mỗi năm ông Lão Thái giỗ cụ Thủ-khoa rất lớn, vào ngày 20 tháng giêng ; có nhiều bậc phú-hào, danh-giá trong làng đến dự ; đó toàn là những người đã mến phục cụ, về văn tài cũng như về khí-tiết.

Đến nay, tháng ngày qua, cảm tình cũng lần phai lợt với lớp người sau, sự cúng kiến chỉ được đơn sơ.

Tông chi cụ Thủ-khoa (5)

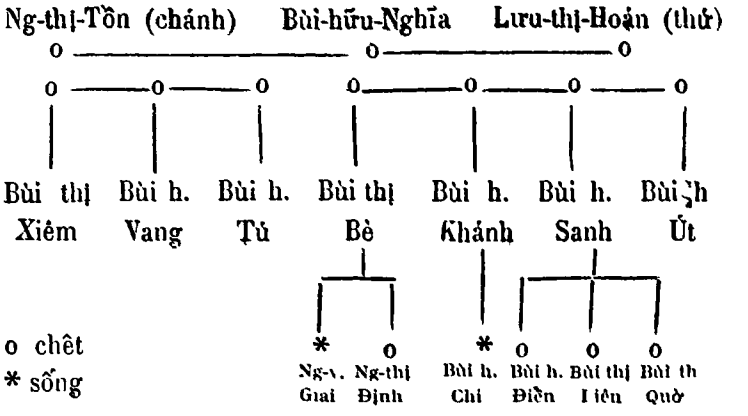

Bên lề câu chuyện

Sau khi bà chánh-thất khuất bóng, cụ Bùi-hữu-Nghĩa đi coi con gái thứ của ông xã Lưu văn-Dụ ở Vĩnh-thông (An-giang), tức cô Lưu-thị-Chỉ. Ưng hứa xong xuôi, chỉ còn chờ ngày cử hành hôn lễ. Thình-lình, cụ được lịnh đi phát lịch qua Xiêm. (6)

Đến ngày thành hôn, cụ phải nhờ bà chị cả là bà hai Thừa thay-thế đi rước dâu.

Vì người chị không biết rõ « giai-nhân » của em, nên ông Xã Dụ trao hôn, đưa cô gái trưởng là Lưu-thị-Ý. (Cô chị nết-na, nhan-sắc đều kém cô em, nên ông Xã-Dụ nhơn dịp cụ Thủ-khoa vắng mặt, tráo gả). Cô em lại gả cho đề-đốc Đinh ở An-giang.

Khi cụ Thủ-khoa về, nhìn cô vợ không phải là « ý trung nhơn » thì bực-tức, sang nhà ông nhạc vặn hỏi và đòi trả lại cô vợ tráo-đổi ấy. Nhưng sự dĩ-lỡ đã làu, đàng gái không khứng nhận con lại.

Uất-ức trong lòng, cụ Thủ-khoa đổi tên vợ lại là *Hoán* (nghĩa là *đổi*, gần âm với *oán* là oán hờn). Từ đó người ta chỉ gọi bà kế thất là *Lưu-thị-Hoán*.

Nhưng nỗi bực tức hãy còn ở-ạt trong lòng, cụ mới mượn văn chương làm nguôi dịu.

Câu chuyện tráo hôn đó chính là nguồn cảm hứng của vở tuồng *Kim thạch kỳ duyên* (7)

(Hết)

TRỰC THẦN
(Tây-đô)

---

1) Thần chủ để trong một cái hộp cây sơn đen, đáy vuông. Cái hộp cây ấy để trong một cái hộp lồng kính

Cái « chủ » gồm có hai miếng ván đứng cắm trên một cái chưn vuông miếng trước là Phấn diện *(trên ấy đề tên tặng và gọi đến khi thác rồi) Lấy cái phấn diện ra miếng sau là* hảm trung *(trên ấy đề tên tộc gọi khi còn sống và ngày tháng năm chết)*

2) Con thứ tư, dòng lớn.

3) Cụ Thủ khoa sanh năm đinh mão chết năm nhâm-thân, tính theo tuổi ta thì 66 tuổi, tính theo tuổi tây (1807 1872) thì 65 tuổi. Ở thần chủ để 67 tuổi, e có chỗ sai.

4) Con thứ ba, dòng lớn.

5) Hiện nay, cháu nội, ngoại của cụ còn hai ông Bùi hữu-Chí ở tại chợ mới Bình-thủy ông Nguyễn văn-Giai ở Ô môn (Cần thơ).

6) Chưa tra cứu ra nhằm lúc nào Xin chờ bổ khuyết.

7) Lời tác giả. — Bài này viết được, một phần nhờ hai ông Nguyễn đại Lưu và Đặng hàm Hình giúp cho tài liệu. Vậy tác giả xin trân trọng, nơi đây, cảm tạ hai bực lão thành ấy *Tr. Th*

Lại chữ LẠC với chữ HÙNG

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRONG *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 467, ngày 26 Juin 1943, ông Vũ Ngọc-Phan có đáp lại bài *Lạc-vương với Hùng vương* của tôi đang trong *Tri-Tân*, số 96, ra ngày 20 Mai 1943. Suốt bài ông không dẫn được chứng-cớ nói được rành-mạch; nhưng tôi cũng cứ theo thứ-tự trong bài của ông mà chữa lại một lần nữa.

Ông nói: « Erckmann-Chatrian là những nhà văn căn cứ vào lịch sử để viết tiểu thuyết là một loại văn chương, vậy nói hai cái tên này đã đi cặp kè với nhau và nổi tiếng về văn-học và sử-học (?), cũng như hai ông Trần Trọng-Kim và Bùi Kỷ đã đi cặp kè với nhau trên đường văn chương và khảo cứu và cũng nổi tiếng, thì đã có gì là tai hại ». Tai hại lắm thứ! vì một đằng làm sử, làm văn, một đằng viết tiểu-thuyết lịch-sử. Tiểu-thuyết cốt mua vui, không cần sự thực, thì so với lịch-sử sao được? So như thế, có khác gì đem Tư-mã Thiên ví với Thánh-Thán, đem Trương-vĩnh-Ký ví với tác-giả *Quả dưa đỏ!* Erckmann-Chatrian nổi tiếng về văn-học, chứ có khảo-cứu lịch-sử bao giờ đâu! Tự-vị nào cũng chép là « nhà làm văn » *(littérateurs)*, chưa hề thấy quyển nào chép là nhà làm sử. Thế mà ông Vũ Ngọc-Phan lại viết trong sách *Nhà văn hiện đại* (quyển II, trang 64), như thế này: « hai nhà văn họ Bùi và họ Trần đi cặp kè với nhau nhiều lần trên đường văn chương và khảo cứu, làm cho người ta phải nhớ *(?)* đến cái tên Erckmann-Chatrian trong văn giới Pháp, hai cái tên đi cặp kè và cũng nổi tiếng về văn học và sử học (?). »

Về chữ Lạc vương và chữ Hùng-vương, ông nói: « nếu từ đời Hồng-bàng đến đời Trần, ta chưa có quyển sử nào thì lẽ tự nhiên ta phải căn cứ vào các lời truyền tụng và các văn thư khác để tra cứu mấy chữ « Hùng-vương và Lạc-vương ». Cứ lý ra thì phải thế, nhưng về việc này có điều hơi khó, là phải xét xem lời truyền-tụng có từ đời Hồng-bàng hay đời Trần. Còn như căn-cứ vào văn-thư, thì nước ta làm gì có, tất nhiên phải chép theo sách Tàu. Có người Tàu chép một lần là « Hùng-vương », ta bắt-chước, truyền-tụng mãi đi, thành một cái rễ bám chặt rất sâu. Nhưng sách cổ của Tàu đều chép là « Lạc ». ông Henri Maspero khảo ra đầu tiên; nay tôi đem sách ra xem lại thấy đúng như thế, nên phải đính-chính.

Ông Vũ Ngọc-Phan lại nói: « sở dĩ ông Lê Dư viện những sách ấy ra (*Việt điện u linh, Lĩnh nam trích quái*) chỉ cốt tra-cứu lấy hai chữ « Hùng-vương », chứ có viện những chuyện hoang-đường trong ấy ra đâu ». Vẫn biết thế, nhưng nếu đem một tên ở trong chuyện hoang-đường, nêu lên, bảo là tên trong lịch-sử, thì nhất-định không đúng phép làm sử. Vả lại nên nhớ rằng quyển *Việt-điện u-linh* làm năm Khai-hựu thứ nhất (1329), quyển *Lĩnh nam trích-quái* làm năm Hồng-đức thứ 23 (1492), đều sau bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, soạn năm Hồng-đức thứ 10 (1479), là bộ sử Nam chép đời Hồng-bàng trước tiên, trong có câu: « Lạc-tướng sau nhầm ra Hùng-tướng » (quyển 1, tờ 3 a).

Ông Vũ Ngọc-Phan nói, theo sự tra xét của cụ Lê Dư chữ Lạc *các* bên bán *duy* « chỉ là tên một con sông, chứ có phải là tên nước Việt ta đâu ».

Vẫn biết là tên sông, vì có chép trong *Chu-lễ Trịnh-thị chú* (sách in, quyển 8, tờ 23 a) rõ-ràng lắm. Nhưng có nhiều sách cổ viết chữ Lạc ấy (*các* bên bán *duy*) là tên nước ta như quyển *Thủy-kinh chú* dẫn một đoạn ở *Giao-châu ngoại-vực-ký*, trong có chữ Lạc-vương, Lạc-hầu, Lạc-tướng, Lạc-dân, Lạc-điền: năm chữ Lạc đều viết *các* bên bán *duy*. Đến quyển *An nam chí nguyên* của Trương Bác-cỗ in lại, về mục thổ-sản (trang 63) có chữ Lạc-điền, về mục cung-thất (trang 136) có chữ Lạc-vương, Lạc-điền, Lạc-dân, Lạc-tướng, Lạc-cung: năm chữ Lạc ấy cũng viết *các* bên bán *duy*. Đấy là sách Tàu, còn sách ta như quyển *Đại Việt sử-ký tiền biên* (quyển 1, tờ 5 a), có chữ Lạc-tướng, cũng *các* bên bán *duy*. Ấy đại-khái sách Tàu sách ta đều có chữ Lạc (*các* bên bán *duy*) để chỉ vào tên nước ta. Trong *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (tiền biên, quyển 1, tờ 5 a) viết *mã* bên chữ *các*; trong *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 1, tờ 3 a) viết *xại* bên chữ *các*.

Nhưng thế lại càng rõ ba chữ Lạc đều thông-dụng, mà chữ Lạc *các* bên bán *duy* vừa là tên sông, vừa là tên đất.

Chỉ có chữ Lạc nhầm ra chữ Hùng, chứ không khi nào chữ Hùng lại nhầm ra chữ Lạc, như lời cụ Lê Dư nói trong *Khai-trí tiến-đức tập-san*, số 5-6, trang 5 và trang 7. Vì sách vở của đời trước để lại, nếu viết vào giấy hay lụa, thì giản nhấm, khắc vào gỗ hay đá, thì sứt mẻ, thế là chỉ có mất nét đi, chứ không khi nào thêm nét được, mà lại bảo rằng: « chép nhầm chữ Hùng ra chữ Lạc »! Nguyên chữ Lạc *các* bên bán *duy*, so với chữ Hùng *hữu* bên bán *duy*, chỉ hơn nhau có một nét; hễ mất nét ấy đi, thì nhầm ngay ra chữ Hùng. Quả-nhiên như thế, chữ Hùng-vương của ta xưa nay vẫn theo, chính là chữ Lạc-vương, viết mất đi một nét.

Mà xét kỹ ra, chữ Lạc-vương rất đúng, vì sách Tàu chép chữ Lạc-vương từ thế-kỷ thứ tư; đến thế-kỷ thứ năm mới nhầm ra chữ Hùng-vương. Lại một lẽ nữa là có chữ Lạc-long: cha là Lạc-long, thì con là Lạc-vương, người giúp việc là Lạc-tướng Lạc-hầu, dân là Lạc-dân; thậm-chí cái nhà của vua ở, fuộng của dân cầy, cũng gọi là Lạc-cung, Lạc-điền. Nói tóm lại, bấy giờ ở nước ta, đều có chữ Lạc ở trên cả, cho nên quyển sách Tàu (*Nam-Việt chí*) chép nhầm ra chữ Hùng-vương trước tiên cũng phải viết Hùng-hầu, Hùng-tướng, Hùng-dân, Hùng-điền.

Trong bài *Lạc-vương với Hùng-vương*, tôi có dẫn một đoạn của cụ Lê Dư về những chữ Lạc *mã* bên và *xại* bên. Vì ở cuối đoạn ấy có mấy câu cụ tra tự-điển không kỹ nên tôi phải dẫn, để cho ai nấy biết rằng cả chữ Lạc *các* bên bán *duy* cũng thông-dụng, chứ không phải chỉ có hai chữ Lạc *mã* bên hay *xại* bên, là thông-dụng mà thôi. Trên đoạn ấy cụ nói chữ Lạc *các* bên bán *duy* là tên sông, dưới đoạn ấy cụ bẻ ông Henri Maspero là tin nhầm, xét ra không có dính-dáng gì đến bài của tôi nên tôi không dẫn. Nay ông Vũ Ngọc-Phan bảo tôi « cắt đầu cắt đuôi..., làm cho độc-giả có thể hiểu lầm về cái ý chính của toàn bài »: ông nói như thế thì nhầm lắm, vì chữ Lạc, là tên sông, chép trong *Chu-lễ*, ai cũng biết, không cần phải dẫn giải; nhưng cụ Lê Dư chỉ biết là tên sông mà thôi, còn cụ cho là sai hết bởi vậy, tôi phải dẫn đoạn chữ Lạc *mã* bên *xại* bên để bổ-chính như tôi đã nhắc lại trên kia. Ấy thế mà ông Vũ Ngọc Phan lại nói đến những « lương-tri » với những « óc phẩm bình sáng suốt »!...

Về chữ *Chức-phương thị* mà cụ Lê Dư chép là *Chức-phương chi*, ông Vũ Ngọc-Phan nói có bản chép chữ *chi*, nhưng ông không dẫn chứng. Tôi tra những bộ sách in để ở Trường Bác-cổ, như quyển *Chu-lễ chú-sớ* (số 777, quyển 33, tờ 12 b), *Chu-lễ Trịnh-thị chú* (số 852, quyển 8, tờ 22 a), *Chu-quan lễ chú* (số 853, quyển hạ-quan, tờ 38 a) quyển nào cũng viết *Chức-phương thị* và dưới viết *cửu lạc*. Quyển *Khang-hy tự điển* cũng viết chữ *thị*, nhưng chữ *cửu* thì viết nhầm ra chữ *bát*. Cụ Lê Dư viết nhầm chữ *bát* chắc là theo đấy; còn chữ *thị* mà nhầm ra chữ *chi*, chắc là cụ trông nhầm hay nhớ nhầm, chứ không có quyển nào viết chữ *chi* cả.

Xem như thế thì những lời tôi nói trong bài trước không phải cải chính gì hết, chỉ phải cải-chính thêm vào bài cụ Lê Dư và bài ông Vũ Ngọc-Phan mà thôi.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

MUỐN BIẾT :

TIỂU-SỬ CỦA DANH-NHÂN NAM-KỲ

Khoa Võ :

Đỗ-thanh Nhân, Châu văn Tiếp, Võ-Tánh, Ng.-huỳnh Đức, Lê-v-Duyệt, Ng.-văn Thành, Ng.-văn-Thoại, Trương tấn-Bửu, Dương-công Trừng.

Khoa Văn :

Võ trường Toản, Ngô-tùng Châu, Ngô nhân-Tịnh, Lê quang-Định, Trịnh-hoài Đức, Phan-thanh Giản, Thủ khoa Nghĩa, Đỗ Chiểu, Trương-vĩnh-Ký, Huỳnh mẫn Đạt, Cử Trị, Tôn-thọ-Tường, Học Lạc

MUỐN BIẾT :

SỰ TÍCH MẠC-CỬU KHAI THÁC HÀ-TIÊN

Hãy đọc « **Nam-kỳ Danh-nhân** »

Quyển sách này đã được Sở Trước-Truyền công nhận là hữu ích về phương diện lịch sử và khuyến khích.

Soạn-giả : ĐÀO-VĂN-HỘI

Tri-phủ [illegible] Province — à Soctrang

Sách dày gần 300 trang bán 3 $ 00 (cước 0 $ 40).

Mua sỉ từ 10 quyển tới 20 quyển, huê-hồng 10%

— trên 20 quyển, — 20 %

Sách in có hạng, mua mau kẻo hết

NÓI LỜI BAC-SĨ HÉZARD,

xét qua về y học phương Đông

(Tiếp theo)

của LIÊN GIANG

4·) *Thương hàn luận* và *Kim quy yếu lược*, của Trương trọng-Cảnh đời vua Linh-đế nhà Hán soạn (168 sau G. T. G). Hai pho này mới bắt đầu dậy các phương thuốc. Pho trên có 113 phương toàn chữa về chứng thương hàn và các nhiễm chứng. Pho dưới có 143 phương, dậy chữa các tạp chứng và bệnh sản hậu.

Hai pho này tuy bị đời sau thêm bớt làm sai ngoa đi chút ít, song những phương để lại thực là kim khoa ngọc luật, làm nền tảng cho phép thuốc về đời sau. Nhất là pho thương hàn luận, giảng bệnh lập phương trong phép chữa sáu chứng, cách bổ chi thực là khúc triết. Vương khảng-Đường đời Minh đã nói rằng : « Phi phương này không chữa nổi bệnh này, phi thuốc này không thành được phương này. Dùng đến thì kiến hiệu, như cái dùi và cái trống hưởng ứng với nhau vậy ».

5·) *Thiên kim phương* và *Thiên kim dực phương*. Tất cả 60 cuốn, của Tôn tư-Mịch đời Đường soạn. (627 sau G. T. G.) Dậy chữa tạp bệnh về phần nhiều.

6·) *Ngoại đài bí yếu* của Vương Trù đời Đường. Cộng 40 cuốn, chia làm 1104 môn. Nhiều phương bí truyền, là loại sách có giá trị trong y-học.

7·) *Đông viên thập thư*. của Lý-Cao, tên tự là Đông-viên, đời Nguyên soạn (1277). Người ta khen Lý dùng vị thuốc như Hàn Tín dùng binh : càng nhiều càng hay. Lý chuyên lấy tỳ vị làm trọng.

8·) *Tố vấn huyền cơ-nguyên bệnh thức — Tuyên minh luận — Vận khí yếu chỉ luận — Thương-hàn trực cách phương*. Mấy cuốn này của Lưu-hoàn-Tố (tức Lưu-hà Gian) đời Kim soạn ra (cùng một thời với Lý Cao).

9·) *Đan khê tâm pháp — Cách trí giư luận — Cục phương phát huy — Tinh yếu luận — Bản thảo diễn nghĩa — Thương hàn biện nghi — Nhật dụng toát yếu — Bổ di ngoại khoa* — Pho này của Chu-chấn-Hanh, hiệu Đan-khê tiên-sinh cuối đời Nguyên soạn ra.

10·) *Đới nhân thư* của Trương Tử-Hòa soạn Vị danh y này sống cùng một thời với mấy vị trên.

Trên này chỉ kể 10 pho y-thư chính tổng. Thành nhà làm thuốc phương đông, ai cũng cần phải học đến mới rõ được y lý. Những nhà y-học phương đông đều tôn Trương-Trọng-Cảnh lên bực thánh-y. Họ nói rằng nếu nhà nho không thể bỏ kinh sách của Khổng thánh mà cầu đạo, thì nhà y cũng không thể nào đi ra ngoài sách của Trọng sư mà chữa bệnh cho người. Còn như Lưu-hà-Gian, Chu-đan-Khê, Lý-đông-Viên và Trương-tử-Hòa, đời gọi là y-môn tứ đại-gia, Lưu sở trường về chứng ôn nhiệt và ôn dịch, Chu chuyên trị về bổ âm, Lý giỏi về chữa nội thương và bổ dương, còn Trương hay về công phạt.

Kể như thế, những pho sách trên này về dược học và y khoa đã đầy đủ lắm rồi.

Về sau, các nhà danh y lục tục cho ra những pho cũng có giá-trị, như *Tiết thị y-án, Cảnh-nhạc toàn thư, Y môn pháp-luật, Phùng thị cẩm nang, Vạn bệnh hồi xuân, Nho môn y học, Bản thảo cầu chân, Y tôn kim giám, Thẩm thị tôn sinh, Trần tu, Viên y thư, v v.* Đại để cũng do những pho cổ-điển trên kia diễn đạt phu diễn, hoặc phát minh thêm ra mà thôi. Nhà học giả muốn rộng ý-kiến, cũng nên bác lãm, nhưng phải lấy 13 pho trên làm tiêu-chuẩn mới được.

Trên này là nói về những y-thư Trung-hoa, nay xét về y học nước nhà.

Biết rằng nước ta dùng thuốc bắc cũng đã lâu đời lắm. Người ta nói từ đời Hán đã có các y-sư tầu theo các quan lại của họ

HỒ BA BỂ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ

HỒ BA BỂ ?

xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BỂ

ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.

In tại nhà in Tri-Tân

giá 2$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẦU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

sang để chữa cho họ. Đến đời Đường, họ đem những sách thuốc của họ sang. Vì thế, nước ta bị ảnh hưởng về cách y-trị của họ nhiều lắm. Trừ hạng bình dân quen uống những thuốc lá và thuốc dấu kinh-nghiệm, còn các nhà giầu sang toàn đón thầy tầu về chữa cho cả. Thành ra môn thuốc lá của mình bị khinh dể, các học giả không ai chịu nghiên cứu để lập thành qui-mô. Mãi đến cuối đời Trần, mới có nhà sư hiệu Tuệ-Tĩnh, thâm hiểu y-học, lại tinh thông dược tính thuốc nam, soạn ra một pho *Nam dược thần hiệu* Trong có 500 vị thuốc nam và 500 phương trị nghiệm. Đến đời Lê mạt, có Lê hữu Tắc, hiệu là Hải-thượng lãn-ông, có soạn ra bộ *Y-tông tâm-lĩnh* 66 cuốn. Trong có cuốn *Lĩnh-nam bản-thảo* cũng do bổ cứu ở pho *Nam-dược thần-hiệu tàng* cùng cuốn *Hành-giản*, có nhiều phương dùng thuốc nam trị bệnh

Nước ta chỉ có hai pho này là có ấn bản lưu hành. Còn nhiều pho sách thuốc chép tay của các danh y trong nước biên thành ra lời ca để truyền cho con cháu cũng có đa số. Nhưng tam sao thất bản, lại thứ chữ nôm rất dễ sai lầm, dù tựu trung có pho cũng có chút giá trị, nhưng học giả không dám noi đấy làm chuẩn-thẳng.

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Chính pho sách có giá trị của Lãn ông cũng thoát sác ở các y thư trung quốc mà ra Những bộ giảy chữa bệnh bằng thuốc bắc lại là những bộ chính, và nhiều hơn hết. Còn môn thuốc nam chỉ là phần phụ, vì có 3 cuốn mà thôi.

Thuốc nam xưa nay vốn sơ sài, lại chưa lập nên môn học riêng cho có thứ tự, có qui tắc, nên đứng cạnh thuốc bắc đành chịu lép vế Y-thuật Trung-quốc là một môn học tối cổ, đã chép thành kinh thành điển, được giầu kinh nghiệm lại đủ qui-mô. Dược-liệu như rừng, thổ sản sẵn có, trách chi mà chẳng tiến bộ.

Những nhà bác học Âu Mỹ ngày nay đã đồ sô tầm con mắt về phía nước văn minh tối cổ ở Đông Á để tìm kiếm thêm về y thuật hòng bổ cứu cho khoa học liệu tại được tận thiện tận mỹ. Khoa học về môn y, dược ở Thái-tây, tuy đã tới trình độ khá cao, song Học thuật không cho phép ai được tự túc bao giờ, cho nên khi còn có những kho nghiên cứu, kẻ học-giả không thể bỏ qua được. Những bực tài-học nước ta ngày nay kể cũng không hiếm, vậy mà trong y-giới, xem chừng đối với y-thuật cũ phương Đông, vẫn ra chiều lãnh đạm thờ-ơ. Đó tưởng cũng là một điều đáng tiếc ! Thang-Bản-Cầu Chân là một danh y Nhật-Bản, tốt nghiệp ở trường Đại-y-học Kim Trạch, theo phương pháp mới ra chữa bệnh cho đồng bào trong mười năm. Rút cục không thấy có tiến bộ, con gái lớn bị chứng lỵ chết, ông lấy làm thất vọng, buồn rầu, phát phẫn học thuốc tầu. Trải 18 năm, khổ công nghiên cứu, lan lóc khắp nơi, mới tinh ngộ dần dần. Ông bèn dùng phương thuốc cổ đem chữa các chứng bệnh, thấy hiệu nghiệm vô cùng. Ông nói rằng : « môn học này tuy cũ, song nếu biết được tinh thêm mà khéo dùng, thì hơn phép mới nhiều lắm. Khốn như người đời ganh chuộng lối mới Âu-mỹ thành ra nghiệp Hán y truyền lại chỉ còn nhỏ như sợi tơ, tôi đêm ngày lúc nào nghĩ đến cũng lấy làm bực tức. » Ông chỉ lấy phương thuốc của Trương trọng Cảnh làm cơ sở, chữa khắp các thứ bệnh. Lắm bệnh khó chữa ở môn tây y, đại để như bệnh đường tiện, bệnh thạch lâm, ông cho uống thuốc theo lối cổ mà khỏi, ấy là không kể chứng thương hàn và các nhiều chứng khác, ông chữa rễ như trở bàn tay. Pho Hoàng Hán y học 3 cuốn do ông soạn ra, dậy người ta theo cổ phương mà chữa bệnh sau khi ám bệnh tham dụng lối âu tây.

(*hết*) LIÊN GIANG

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dù là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao Giá 1$00

của Bác-sĩ Ê-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hà nội : *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*

Huế : *Hiệu sách Vĩnh Hòa 29 Maréchal Pétain*

Sa gon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Nhị nương :

Em cũng thấy, khi mây chiều vương nhẹ
Mơn mái dày xanh nặng tóc muôn cây,
Một nỗi nhớ mênh mang vờn dè dẹ
Tự đâu miền xa lạ ngát hương say...
Khi gió lịm, theo trăng, sầu lặng đến,
Nghẹn lời hoa, im tắt giọng ca chim,
Là lúc nỗi nhớ nhung xao xuyến
Lại bắt đầu vang rộn nhóm trong tim...
Cô quạnh quá : đây đìu hiu đất khách,
Trời mang mang, mây nhẹ ngất cao cao ;
Rừng sâu nặng chỉ um tùm lau lách,
Đượm hương buồn ly biệt tự phương nao...
Tự phương nao, vắng tin hồng bóng nhạn,
— Nỗi mong chờ càng não cảnh cô đơn !
Như chiếc yến bên lưng trời lẻ bạn,
Em muốn về thăm lại đảng Tiêu-Sơn...
Đảng Tiêu-Sơn nơi anh hùng chiêu tập,
Nơi còn toan hưng phục nghiệp triều Lê ;
Nơi Quang-Ngọc cùng em xưa đã gặp...
Nơi hôm nay... em lại muốn quay về...

Hoàng phi :

Em đã muốn quay về Kinh-bắc cũ,
Chị cũng đành lui gót trở về theo ;
Em ơi, sương chiều đương ủ rũ,
Vừng ô thương tiếc lịm sau đèo.
Xứ Lạng biên cương gần Bắc quốc,
Còn mang di tích của tiên-vương ;
Nơi nước Việt đã từng phen nhơ nhuốc,
Nơi trời ơi ! ta chỉ thấy đau thương !...

Nhị nương

Nơi sương mờ gieo nặng cảnh thê lương,
Nơi Lê-triều tuôn nuốt lệ đau thương...
Thôi ta hãy lui về Kinh-bắc cũ
Để tìm bạn đồng tâm, thăm đảng chủ...

Hoàng phi

Lòng nhi nữ xưa nay thường vướng nặng
Nỗi u sầu thương tiếc bởi yêu đương :
Tưởng bia núi đứng in mờ bóng lạng
Mạc chân giời man mác nhẹ buông sương ?
Không, này em hỡi, anh hùng tuy dũng liệt
Nhưng vẫn thường thấy nhẹ mối tơ vương :
Trong vắng vẻ u sầu khi cách biệt
Càng âm thầm nhen nhóm lửa yêu đương...

Nhị nương

Nhưng chị hỡi ! em cùng chàng Quang-ngọc,
Từ ngày thiêng... gây lập... đảng Tiêu-sơn...
Chàng mê mải trong đường ngang bước giọc,
Em vẫn bền vững dạ với cô đơn...
Nay em bỗng... thấy lòng thao thức lạ :
Tim bâng khuâng say khát nhịp êm đềm...
Vì tơ liễu đang vờn giăng biếc mạ
Khi hương lài theo gió, quyện y xiêm...
Nhưng chị hỡi ! em quyết giữ bầu tim trơ sắt đá
Cho hiên ngang cánh mạnh chí gan bền ;
Vì nợ nước, thù nhà to lớn quá :
Ngòi yêu đương... đành dập tắt trong quên...
Bóng đêm sắp lan dần trên cảnh vắng,
Rừng hoang lương rộn rã tiếng từ qui,
Cảnh liễu rũ thê lương sầu vướng nặng ;
Ôi vô cùng đau xót cảnh khuê ly !

Hoàng phi

Bước khuê ly như sầu buông trên nước thẳm
Đường gian nan rộn rã tiếng từ qui ;
Cảnh hiu vắng lòng ta thêm xúc cảm,
Thêm buồn đau, thương xót phận truy tùy !
Trong guy hiểm chèo lau hỏng chở chống...
— Em là nguồn an ủi của lòng ta,
Đã dìu đỡ cho cành Lê gượng sống
Cho đến ngày phai nát một đời hoa...

***

Em hãy đợi chị vào xem trong túi vải
Tìm một vài di tích của quân-vương,
Để những lúc canh tàn ôn nhớ lại,
Đặng nguôi buồn, khuây khỏa nỗi sầu thương...

(Bà Hoàng phi vào, Phạm-thái ra)

Phạm thái

(ra, với Nhị nương)

Hiền tỷ !
Mong vận thái lại gặp toàn cơn bỉ !...

Nhị nương

Sao ?
Lòng chi còn rung gợn ý nao nao...

Phạm thái

Đệ chỉ sợ bà Hoàng-phi rõ biết :
Bà lại sẽ buồn thương tha thiết...

Nhị nương

Nhưng tin gì ? hiền đệ nói nghe mau !

Phạm thái

Xót thay cho số phận Thanh-xuyên-Hầu !

Nhị nương

Sao ? Thanh-xuyên-Hầu
Đã làm nguy ? ngọa bệnh trong bao lâu ?

Phạm thái

Thanh-xuyên-Hầu đã... mất
Chiều hôm qua.
Khi trống mõ thu không vừa lịm tắt...

Nhị nương

Trời ơi ! Thanh-xuyên-Hầu đã mất !
Lấy đâu người giúp đỡ đảng Tiêu-sơn ?

Hoàng phi *(trở ra)*

Sao bỗng nghe nức nở tiếng than hờn ?...

(với phạm thái)

Kia, hiền đệ đến khi nào, ta chẳng biết ?

Phạm thái

Tâu, Thanh-xuyên-Hầu
Đã từ trần... nơi núi rậm rừng sâu...

Hoàng phi

Trời, thảm quá !
Uổng công trình lâu nay ta mần nả ;

Nhị nương

Nhưng, Thanh-xuyên-Hầu
Làm sao mà đột ngột thế, tin đau :

Phạm thái

Thanh-xuyên-Hầu, trời ơi, oan khốc ?
Bị một tên gian thần đầu độc !

Hoàng phi

Còn chi mà hy vọng nữa, em ơi !
Vận nhà Lê thực đã đốn suy rồi !

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-sĩ » tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 8 PHAN-KHẮC-KHOAN

Đón xem : **Phạm Thái**

Viết dựa theo « Tiêu-Sơn Tráng » của Khái Hưng. MỘT CÔNG TRÌNH TRANG NGHIÊM VÀ V. Những vần thơ rất say sưa hùng hồn và mãnh liệt (những niệm đặc biệt trong nghệ thuật viết và diễn kịch thơ để đắp thêm MỘT KỶ NGUYÊN MỚI trong văn-nghệ nước nhà

Kịch dài ba bằng thơ

(bản in trong sách khác với bản ở « Tri-Tân tạp chí »)

của **PHAN KHẮC-KHOAN** tác giả

1. TRẦN CAN, LÝ
2. CHIÊU HOÀNG } *những kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thơ Việt-nam, đã diễn gần 20 lần ở Hà-nội và các nơi khác.*

3. **XA XA** *thơ mùa xuân ; 2$00 sắp hết, những hương vị êm tươi, sóng lam, cát trắng. « Những tranh rất thần tình... Những bài thơ nhẹ nhàng và ngộ nghĩnh như những haïkaï của người Nhật » (Hoài-Thanh)*

4. **HƯ VÔ** *dịch thơ OMAR KHAYYAM ; 1$20 sắp hết. « Đây là lần đầu tiên Thư viện nước nhà rước một bực tài hoa của nước Ba-tư mà thiên hạ đã liệt vào các bực đài hào cổ kim của thế giới ».*

Sắp ra **Quỳnh Như** (Phạm Thái II)

VIỆN SÁCH QUÊ HƯƠNG

HANOI VINH NHOA HUẾ

Sách giá trị

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN VĂN HÙM
Giá 2$80

THI HÀO TAGORE

của NGUYỄN VĂN HAI
Giá 4$80

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT**
29, LAGRANDIÈRE — Hà nội

KHOA-HỌC PHÁP
và công cuộc quốc gia cách mệnh
(La science française et la Révolution nationale)

MỚI đây, trước một số đông thính-giả tri-thức Hà-thành, ông Drouin nhà thông-thái mà ai cũng biết tiếng đã trình bày trong một bài diễn-văn trên 12 trang giấy cái tinh-hoa của nền khoa-học Pháp và công-dụng của khoa-học trong công cuộc phục-hưng quốc gia dưới chính thể Thông chế.

Bấy lâu ta vẫn công-nhận khoa-học là quốc-tế, vì những điều phát-minh của khoa học đều có ích cho toàn-thể nhân-loại, vì giữa các nhà bác-học các nước, có những giây liên-lạc về tinh thần, ra ngoài cả phạm-vi quốc-gia, như trao đổi ý-kiến, cộng-tác về đủ các phương-diện, dự các hội-nghị khoa-học quốc-tế, hay các cuộc khảo-cứu quan-trọng, vân vân.

Sự hợp-tác về khoa-học quốc-tế không phải tới nay mới xuất-hiện, do sự dễ-dàng và tiện-lợi trong việc trao đổi tin-tức và trong sự giao-thông của thế-giới hiện-thời. Xưa kia, chỉ có cách gửi thư, vừa chậm, vừa khó khăn, không được tiện-lợi như ngày nay thế mà các nhà bác-học Âu-châu về thế kỷ thứ XVII vẫn trao đổi những kết quả của cuộc thí-nghiệm, những điều mới phát-minh, một cách dễ dàng và điều-độ.

Nhưng nếu những điều phát-minh của khoa-học được phổ-thông khắp các nước, nếu cuộc thí nghiệm về khoa-học cần phải có sự hợp-tác chặt chẽ giữa các nhà nghiên-cứu hoàn-cầu, các nhà bác-học không phải là không có tính-cách quốc-gia.

Tuy sự hoạt-động của các nhà bác-học có ích cho tất cả nhân-loại, nhưng trước hết chính tổ-quốc họ được hưởng những sự ích lợi ấy. Sự-nghiệp các nhà bác-học ấy đã nâng cao thanh-danh của Tổ-quốc trong hoàn-hải.

Vậy thì đối riêng một nước, khoa-học là một sự hoạt động cao-thượng có ảnh-hưởng lớn đến tiền-đồ quốc-gia.

Thống-chế đã từng thanh-minh là cần phải kiến-thiết nước Pháp bằng nỗ lực của dân chúng Pháp. Thống-chế lại muốn cho dự vào công-cuộc ấy hết thảy những sức hoạt-động của quốc-gia.

Theo con đường đã vạch, Chính-phủ Pháp, trong khi tiến-hành công cuộc quốc-gia cách-mệnh, cần phải khuyếch-trương nền khoa-học, tán-trợ, khuyến khích, để mong được nhiều kết quả tốt đẹp ích cho dân nước, lợi cho thanh-danh tổ-quốc.

Nước Pháp có rất nhiều các nhà bác-học.

Song một điều đáng tiếc là trước năm 1940 dưới chính-thể cũ, nhiều nhà khảo-cứu thường thường vì biết hưởng-ứng với phong-trào chính-trị, đã được giới thiệu với công-chúng vào hàng các vị có thiên-tài lỗi lạc, do một cách tuyên-truyền khôn khéo. Trong khi ấy, biết bao nhà bác học chân-tài, mặc dầu được cả hoàn-cầu hoan nghênh và tôn trọng, đều bị quên trong thời-gian hay chỉ được công-chúng biết đến danh-hiệu trong khoảnh-khắc.

Phần nhiều công-chúng mà nhất là công-chúng Pháp ít biết đến cái cao-thượng và sự cố-gang về phương-diện khoa-học của nước Pháp, cũng như không chú-ý đến cái thanh-danh của các thiên-tài đã được sùng bái trong khắp hoàn-hải.

Người Pháp không biết hay không biết nữa là tổ-quốc trong vòng ba thế-kỷ nay đã từng có nhiều nhà khoa-học lỗi-lạc kế-tiếp nhau hoạt-động về đủ các phương-diện kỷ-hà-học, thiên-văn-học, cơ-khí-học, vật-lý-học, hóa-học, cổ-học, vân vân. Trong mỗi ngành khoa-học, nước Pháp đều có đại-biểu, có một hay nhiều vị « đầu mục ».

Vẫn biết tại các nước khác cũng có nhiều thiên-tài. Nhưng chưa thấy một nước nào có nhiều thiên-tài như nước Pháp, đủ làm cho thế-giới phải tôn-sùng, đủ làm vẻ vang cho tổ-quốc nơi hải-ngoại.

Nếu kể hết tên các nhà bác-học ấy thì phải một trường-thiên lịch-sử khoa-học Pháp mới đủ để cống-hiến độc-giả. Nhưng cũng cần phải kể vài tỷ-dụ về cái đặc-sắc của khoa-học Pháp.

Từ trước tới giờ, ta vẫn sùng-bái nhà bác-học Pasteur là một vị ân-nhân của nhân-loại. Nhưng thử hỏi mấy ai đã biết tới tên Cauchy? Một nhà toán-pháp-học đã vượt được nhiều nỗi khó khăn để vạch đường dẫn lối cho đoàn hậu-tiến trong việc kê-cứu về toán-học.

Ta vẫn thấy nói: tại Đức, hóa-học rất được phát-triển, nhất là từ

giữa thế-kỷ thứ 19 trở đi, hóa-học được dân Đức đem hết tổ-lực ra kê-cứu và thực-hành. Nhưng ta không quên người sáng lập ra hóa-học là một người Pháp, ông Lavoisier, đã đặt cho khoa-học một nền-tảng củng-cố.

Tuy so với các lân-quốc, nước Pháp có ít xưởng chế tạo về hóa-học, nhưng trong vòng thế-kỷ trước, những nhà hóa học đại-tài không phải là hiếm trên đất Pháp.

Ông Henri Poincaré là một nhà toán-học cao siêu hơn là một nhà Chính-trị. Mất năm 1912 ông để lại một sự-nghiệp lừng lẫy, một công-cuộc vĩ đại trên trường khoa-học, đủ làm cho nước Pháp có thể tự hào đã sản-xuất được một nhà bác-học đại-tài, một khối óc tinh hoa đã phát-minh được nhiều về vấn-đề toán-học hay vật-lý học.

Cái di-sản bất-diệt ấy mãi đến năm 1934, nghĩa là 22 năm sau khi ông Henri Poincaré mất, mới được công-hành trong nước: đó là bắt đầu một chính-thể.

Đó là một chứng-cớ tỏ cho ta biết rằng: trước kia, trong khi nhiều nhân tài bị bỏ quên trong bóng thời gian, ngoài ra nhờ có sự tuyên-truyền mà nhiều nhà khoa-học vì đã ủng-hộ một chính-thể, nên được hưởng những danh-niệu không chân chính.

Một khi khoa-học không trung-thành với một chính-thể, không hưởng ứng, không ủng-hộ chính-thể ấy, thì khoa học đối với chính-thể ấy đã không ích gì tất phải bị rẻ-rúng. Tuy vậy cái khoa-học chân-chính Pháp không bao giờ có thể trụy lạc được, bao giờ cũng giữ nguyên được cái chân-giá-trị.

Ngày nay, cái chính thể cũ đã mai-một rồi. Một chính-thể mới đã tổ-chức và có nhiệm vụ kiến-thiết một nước « Pháp tương-lai » cường-thịnh và tốt đẹp.

Trong cái thế giới hiện-tại, khoa-học là một sức hoạt-động để nâng cao địa-vị một quốc-gia. Vì vậy, tân-chính-thể cần phải ủng-hộ và khuyến-khích khoa-học về mặt tinh-thần và vật-chất.

Về mặt tinh-thần, vấn đề thiết-yếu là phải đặt các nhà bác-học có chân-giá trị vào những địa-vị xứng-đáng, để phân biệt với các nhà khoa-học thường thường. Trong công việc ấy, cần phải có các người công bằng trong sự xét đoán không thiên vị, mới mong tránh khỏi những điều nhầm-lẫn của cựu-chính-thể, mới mong sự lựa-chọn ấy không bị những chính-kiến làm cho sai-lạc.

Trong việc tuyên-truyền những kết quả của cuộc nghiên-cứu khoa-học, cần phải thận-trọng để giữ nguyên giá trị của các nhà bác-học, để những điều phát-minh về khoa-học được công-hành theo đúng với lượng và phẩm.

Các nhà bác-học làm việc trong im lặng, không mong công-chúng ca-tụng, nhưng chỉ muốn công-chúng hiểu biết đến sự ích-lợi những điều phát minh của mình, tức là một sự khuyến khích có công-hiệu hơn là chức, phẩm, danh-vọng, huy-chương. Nhiều khi các nhà bác-học rất đối ưu phiền vì các chính-giới lãnh-đạm đối với công-việc mình làm. Chính phủ cũng nên luôn luôn chú-ý đến sự tận-tâm và giá-trị của các nhà bác-học.

Về phương-diện vật-chất, cần phải giúp các nhà bác-học được sống một cách đầy đủ. Các nhà bác-học theo đuổi một công-cuộc hợp với chí-hướng của mình không phải là mong làm nên giàu-có, vì với khối óc tinh-hoa ấy, họ có thể có nhiều sinh-kế để làm nên giàu-có.

Cái sở-vọng của họ là ước mong được đủ phương-pháp hành-động, mong có thư-viện, có phòng thí-nghiệm, có vật-liệu, có tiền chi-dụng vào công-cuộc nghiên-cứu.

Trong sự ủng-hộ Chính-phủ đừng nên kiềm-chế, bắt các nhà bác-học phải phát minh theo một thời-hạn nhất định. Nhiều cuộc thí-nghiệm của các nhà bác-học đại-danh cũng không có kết quả. Nhưng cuộc thí nghiệm phần nhiều tốn thì giờ hơn sự tưởng tượng của thế nhân. Nhà bác-học cần phải được yên-ổn, được tự do hành-động, mới mong có kết quả viên-mãn.

Đó là những ý-kiến về khoa học Pháp, về tương-lai và về các phương pháp làm cho khoa học phát-triển dưới tân-chính-thể.

Thống-chế đã dùng các phương-pháp để đặt khoa-học Pháp lên đài vinh-quang.

Ta nên tin cậy vào Thống chế Quốc-trưởng và giúp ngài trong công cuộc Phục-hưng.

Ta nên trả lại tiền-nhân địa-vị và danh-vọng xứng-đáng với cái chân-giá trị của mỗi người.

Rồi sẽ tới những ngày huy-hoàng, sán-lạn, những ngày rực rỡ về vang cho nền tinh-thần nước Pháp...

NHẬT-NHAM

Muốn làm giàu mua vé số

Dong Phop

1p.00 một vé

Tả quân
Lê Văn-Duyệt (1)

(1763-1832)

Số 1

NGUYỄN TRIỆU

Có lần, trên tờ tạp-chí này, bạn Nhật Nham đã viết về Tả-quân Lê văn-Duyệt. Nay Tri-Tân lại đăng thêm thiên khảo cứu dưới đây của bạn Nguyễn Triệu. Xin các bạn độc-giả nên coi đó là để tham-khảo, để hai bài bổ túc lẫn cho nhau, chứ đừng nên cho là trùng-xuất. T. T.

THỜI bấy giờ Trịnh Nguyễn phân tranh, trong nước ta đang cơn khói đạn. Lê văn Hiếu, quê ở Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa vào tị nạn trong Nam, tại làng Hòa-khánh, tỉnh Định-tường (nay là Mỹtho) gần vàm Tả-lọt. Bấy giờ chỉ có con giai Hiếu là Lê văn-Toại, cùng vợ Toại theo vào mà thôi. Sau vợ chồng Toại sinh hai trai là Lê-văn-Duyệt và Lê-văn-Phong.

Năm Duyệt lên 8 tuổi thì tổ-phụ là Lê văn-Hiếu mắc bệnh thiên-thời từ trần.

Sau khi an táng phụ-thân, Lê văn Toại bỏ chốn ấy, đi tìm nơi khác sinh-cơ lập-nghiệp, bèn tới nương náu ở xứ Rạch-gầm, nay là làng Long-hưng gần chợ Ông-Hồ trong hạt Mỹtho ngày nay (?).

Không bao lâu Toại làm ăn thịnh-vượng, vào hạng thường thường bực trung, tìm thày cho con đèn sách; song Duyệt không [illegible] học, cả ngày chỉ lêu-lổng [illegible] cây ngoài đường hay ra đồng [illegible] bẫy chim chơi và thích nhất [illegible] chơi gà-trọi, nên rất xành xem [illegible] « gà nòi ».

Sở dĩ Duyệt không ham học là vì chán-nản trong mình có tật ẩn-cung (ái nam). Tuy vậy Duyệt rất thông-minh, lanh-lợi và có sức khỏe. Năm 14, 15 tuổi, Duyệt thường than rằng: « *Làm giai sinh ở thời loạn mà không kéo cờ gióng trống làm đại tướng để lưu danh thiên cổ thì không phải là tài giai* ».

Vào hồi ấy chúa Nguyễn-Ánh lánh nạn chạy đến Rạch-gầm tới nhà Lê văn Toại nghỉ chân và cũng không dám cho ai biết mình là chúa Nguyễn, ngài thấy nhà rộng rãi sạch sẽ thì hỏi xin ở trọ. Vợ chồng Toại thấy khách lạ có vẻ mệt-nhọc thì động lòng thương mà vui lòng làm việc nghĩa. Bà vợ vào bếp lo cơm nước, còn ông chồng thì tiếp chuyện khách cầm chừng.

Sau khi dùng cơm nước xong, chúa Nguyễn Ánh mới hỏi thăm đến chuyện gia-thế nhà chủ. Lê văn-Toại bèn đem hết lai-lịch trong nhà thuật cho chúa Nguyễn nghe hết, rồi vui chuyện bắt sang đến việc con cái: vô phúc sinh phải đứa con đầu lòng, sau này chắc cũng chẳng ra gì, tuổi thì đã lớn mà học không chịu học, làm chẳng chịu làm tuổi chừng đó mà từ sáng đến tối chỉ chơi lêu-lổng ngoài đồng, leo-trèo cây cối...

Lúc đó bóng đã xế tà, Duyệt đi chơi cũng vừa về đến nhà, quần áo lem luốc bẩn thỉu, tới cửa thấy có khách lạ thì đi lẻn về sau nhà thay quần áo xong, bèn lên thi lễ chào khách.

Chúa Nguyễn-Ánh coi qua tướng mạo rồi gọi Duyệt lại gần hỏi chuyện xa gần, chúa thấy Duyệt chẳng phải ngu-độn như người cha vừa nói, bấy giờ chúa mới nói thật cho Toại hay ngài là chúa Nguyễn đi lánh nạn và muốn thu-dụng Duyệt làm bộ-hạ. Từ đó Duyệt ra đầu quân, theo phò chúa Nguyễn. (*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU

1) Phỏng theo: *a*) Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 23 thượng và hạ; *b*) J. Silvestre. Insurrection de Gia định (Revue indochinoise Juillet Aout 1915); *c*) Tả quân thượng công Nam kỳ tổng trấn Lê văn Duyệt par Lê văn Phát, Đốc phủ sứ in tại Saigon 1924.

2) Theo như bài của bạn Tiên Đàm thuật trong Tri Tân số 31 trang 6 thì di tích tổ tiên Lê văn Duyệt ở huyện Yên lạc, tỉnh Vĩnh yên (Bắc kỳ).

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 4

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VÀO hồi đầu Thiên-chúa kỷ-nguyên, không còn cuộc di-dân nào lớn như hồi tiền-sử: người Mê-la (Mélanésiens) và người Nam-Á (Austro-Asiatiques) ở đâu vẫn ở đấy ngay từ đó. Phía nam Đông-dương cũng vậy: những dân bây giờ ở xứ nào thì đã đến ở xứ ấy ngay từ đầu thế-kỷ thứ nhất. Bằng-chứng ở những tấm bia đá cổ khắc bằng tiếng bản-xứ: ở Cao-miên từ hồi ấy đã có bia bằng chữ Cao-miên, ở mấy tỉnh Chiêm-thành trong Trung-kỳ có bia bằng chữ Chiêm-thành.

Ở phía giữa và phía bắc Đông-dương, thì trong thời-kỳ lịch-sử, người Chiêm-thành ở miền giữa Trung-kỳ phải lui xuống để nhường chỗ cho người Việt-Nam. Sở-dĩ có cuộc « xô-đẩy về phía nam » như thế là vì mạn bể với mạn đồng-bằng có cái sức hấp-dẫn rất mạnh; cuộc xô đẩy sinh ra đã lâu lắm, làm cho Đông-dương có những dân-tộc chia ra từng khu-vực như bây giờ.

Hình như trong cuộc xô-đẩy ấy, không có dân nào bị diệt-vong, phần nhiều chỉ phải theo tiếng nói và phong tục của người đến xâm-chiếm hay người cầm quyền, còn thì vẫn được sinh-tồn như trước. Dân mới không ắt hẳn dân cũ, mà dân cũ vẫn còn một vài chỗm hoặc một vài khu đất: thí-dụ như bọn Môn và Cao-miên không tràn ngập hết bọn Mã-lai (Indonésiens); lại như bọn Việt-Nam chỉ đến ở men bể và men sông, rồi tràn ra trung-châu, để nguyên rừng núi cho người bản-thổ.

Chỗ nào mà dân mới tràn lấp hết dân cũ, thì mới gây ra một giống lai, thành tạp-chủng, nhưng vẫn còn sót một vài cái thể-chất và một vài cái phong-tục cũ.

Nói qua như thế, cũng đủ biết rằng về đời dân chủng, cõi Đông-dương rất là phức-tạp.

Về đường văn-hóa, có một điều nên chú-ý, là văn-hóa Ấn-độ lan sang Viễn-đông rất mạnh; sức mạnh ấy là một việc quan-trọng trong lịch-sử Á-châu và lịch-sử quần-đảo Mã-lai (Insulinde). Người Ấn-độ mang văn-hóa sang cho những đất trung-châu giàu-có này và những cù-lao sung-túc kia, dạy dân bắt-chước phong-tục, luật-lệ, mẫu-tự, phạm-tự, xã-hội, tôn-giáo, đẳng-cấp của Ấn-độ. Nói tóm lại, văn hóa Ấn-độ không phải chỉ có cái ảnh-hưởng tầm-thường mà thôi, chính là đã khai-thác cho phía nam Đông-dương, cũng như người Tàu khai-thác cho xứ Bắc kỳ; nhưng lối thôn-tính của người Ấn-độ hoàn-toàn văn-hóa, không có tính-cách chính-trị như lối người Tàu

Có lẽ lúc đầu người Ấn-độ sang Đông-dương chỉ chú-trọng đến việc kinh-tế, việc buôn bán. Vì hồi thế kỷ thứ nhất, những nhà luân-lý La tinh làm sách có ta-thán đến những thứ thương-phẩm xa-xỉ (denrées de luxe). Những thứ ấy là những thứ gì? Là hương-liệu, trầm-hương, bạch-đàn, các thứ dựa thơm, như long-não, an-tức-hương (tức cánh-kiến trắng), v. v., đều là sản-vật đặc-biệt của xứ Đông-dương và cù lao Nam-dương.

Những đảo này và những xứ kia lại có tiếng là lắm vàng nhiều của; sách địa-dư bằng chữ Hy-lạp, chữ La-tinh về đời ấy cũng có chép tới.

Vả lại, muốn vượt biển từ Ấn-độ sang Đông-dương và Nam-dương quần-đảo, vào hồi đó có hai cơ-hội rất tiện.

Một là có những đường hàng-hải của người Ấn-độ và người Trung-hoa vừa mới mở rộng-ra, lại đóng được những thứ thuyền ra biển khơi, trong sách Tàu về thế-kỷ thứ ba có nói tới.

Hai là nhờ có đạo Phật bỏ hẳn giai-cấp, nên người Ấn-độ theo đạo Phật mới dám giao thiệp với dân ngoài mà không sợ ô-uế. Những người ấy là bọn lái thuyền bể trong sách Phật cũng có chép đến. Lại có hạng người Ấn-độ thuộc về hai đẳng-cấp trên, tức là những người có học-vấn, đi cùng với hoặc đi sau bọn lái thuyền kia, sang Đông-dương và Nam-dương dạy dân dựng thành những nền văn-hoá Cao-miên, Chiêm-thành, Chà-và là những văn-hoá đã nhiễm sâu tôn-giáo và văn-chương Ấn-độ.

Nhưng Văn hoá Ấn-độ thấu vào đám dân-chúng đến chừng nào? Hay là chỉ có bọn thượng-lưu được hưởng thôi? Vào thế-kỷ thứ 13, những dân ở phía nam Đông-dương bị suy-sút, có phải lỗi tại bọn quí-tộc bà-la-môn đồi-phế không?

Người Ta thường nói có lẽ lại dân phía Nam Đông-dương chỉ có cái mã ngoài là Ấn-độ mà thôi còn vẫn giữ nguyên-chất bản-thổ cho nên mới phải thoái-bộ trên con đường văn minh. Bài này lược dịch bản thảo của ông G. Cœdès, *Les anciennes civilisations de l'Indochine*, hiện chưa in nguyên-văn chữ Pháp, nhưng tác giả có nhã ý cho tôi mượn để dịch [illegible] vào bài *Les civilisations de l'Indochine*. (Còn nữa)

Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tố

VẤN-ĐỀ « HỌC »

CAO-ĐẲNG TIỂU-HỌC

và Trung-học Đông-dương

NGUYỄN NHÂN

NGHỊ-định 21 décembre 1917, ban-bố một học-quy chung cho toàn cõi Đông-dương, đã ấn-định sự tổ-chức và chương-trình học của một nền học kế-tiếp vào bậc tiểu-học, cũng gồm bốn năm như bây giờ, nhưng hồi đó còn kêu là « thành-chung » (complémentaire), mãi năm 1924 mới đổi ra « cao-đẳng tiểu-học » (primaire supérieur). Cái bằng tốt-nghiệp của bậc học ấy, lúc đầu gọi là « diplôme d'études complémentaires », về sau lại đổi ra « diplôme d'études primaires supérieures ».

Tuy chương-trình học đã vài lần thay đổi, từ xưa đến nay, cao-đẳng tiểu-học vẫn giữ được nguyên hình-thức của nó (bốn năm) và tôn-chỉ của nó (đào-tạo hạng trung-lưu của xã-hội, dự-bị lên ngành học cao hơn).

Về phần trung-học bản-xứ, nghị-định 21 décembre 1917 chưa thấy nói đến. Mãi nửa năm sau, nghị-định 15 juillet 1918 mới đặt ra những lớp trung-học bản-xứ, sáp-nhập vào trường trung-học Albert Sarraut của người Pháp ở Hanoi; rồi đến năm 1924 những lớp học ấy được đem về trường Bảo-hộ (Collège du Protorat) Trong Nam, thì nghị-định 7 février 1921 cũng đặt ra những lớp trung-học bản-xứ trong trường « Collège Chasseloup-Laubat » ở Saigon.

Hai nghị-định 26 décembre 1924 thay đổi hẳn chương-trình cao-đẳng tiểu-học và ấn-định rõ-ràng chương-trình hai năm trung-học bản-xứ.

Nghị-định 19 mars 1925 thay đổi chương-trình ban sư-phạm, là một ngành học cũng gồm có 4 năm, đi đôi với cao-đẳng tiểu-học, và chuyên riêng về mục-đích đào-tạo giáo-viên.

Nghị-định 15 juillet 1927 hoàn-toàn đổi mới hình-thức và chương-trình trung-học bản-xứ: trước kia học trong hai năm thì từ ngày ấy tăng lên ba năm. Hết năm thứ hai thi phần thứ nhất bằng tú-tài bản-xứ đặt ra bởi nghị-định 23 novembre 1927 (brevet de capacité de l'enseignement secondaire franco-indigène); phải đỗ rồi mới được lên năm thứ ba để hết năm ấy thi nốt phần thứ hai.

Tăng lên ba năm như thế, người ta có ý muốn làm cho trung-học bản-xứ có giá-trị tương-đương với ba năm cuối của trung-học Pháp. Tuy vậy, chương-trình học và thi của hai bên khác nhau nhiều lắm.

Với người Pháp, đỗ tú-tài phần thứ nhất rồi, sẽ chọn một trong hai lớp, triết-học hay toán-học; hai lớp *seconde* và *première* chưa hề có môn triết-lý; đã thế đến năm cuối cùng lại còn tách ra hai lớp, học-sinh được lựa-chọn theo sở-đắc của mình; cho nên một « cậu tú » người Pháp hoặc giỏi triết học hoặc giỏi toán-học, chứ ít người học giỏi và thi đỗ cả hai thứ.

Với người Nam, trung-học bản-xứ không tách-bạch như thế: năm thứ ba đã không chia ra triết-học hay toán-học mà trong suốt ba năm đều phải học nhiều về cả hai mặt; thành ra vừa phải giỏi triết-học, vừa phải giỏi toán-học, mới đỗ được cái bằng tú-tài bản-xứ.

Ngoài ra, « cậu tú » của trung-học bản-xứ còn hơn « cậu tú » an-nam của trung-học Pháp về phương-diện này: trung-học bản xứ, trong khi tham-bác học-vấn Âu-tây, vẫn giữ được cái tính-cách Á-đông của nó với những giờ học quốc-văn, học chữ nho, học lịch-sử và địa-dư nước nhà, học lịch-sử Trung-hoa và Ấn-độ, học triết-lý Đông-phương.

Nói cho đúng, nếu theo quan-niệm « học để mà biết », thì trung-học bản-xứ do nghị-định 15 juillet 1927 sửa đổi lại, thật là một nền học hoàn-toàn: vừa biết nhiều triết-học, vừa biết nhiều toán-học, lại vừa biết nhiều những môn đặc-biệt Á-đông.

Nhưng tiếc thay! có phải ai cũng « học » chỉ để « biết » mà thôi đâu. Người ta học tú-tài để, sau khi có văn-bằng ấy, có thể vào các trường đại-học ở Đông-dương ở Pháp, hay thi vào ngạch này ngạch khác trong các công sở. Ấy thế mà phần nhiều đâu đâu cũng « quý » cái bằng « tú-tài

tây » hơn « tú-tài bản-xứ », mặc dầu có một đạo sắc-lệnh 12 Octobre 1930 nhận cho cái tú-tài bản-xứ được giá-trị tương-đương với tú-tài tây. Vả lại, trừ một số người hiếu-học, thì ai cũng phàn-nàn rằng thi tú-tài bản-xứ khó hơn thi tú tài tây nhiều. Vì thế mà học-sinh an-nam vẫn thích thi tú-tài tây hơn, dù là học trong trường trung-học bản-xứ.

Nghị-định 20 mars 1930 sửa-đổi chương-trình cao đẳng tiểu-học, sư-phạm và trung-học, riêng về hai môn sử-ký và địa-dư.

Nghị-định 28 août 1936, một phen nữa, hoàn - toàn cải tạo trung-học bản-xứ, trước sự thực hiển-nhiên không ai chối cãi được Từ nay nó chỉ còn « bản xứ » có cái tên thôi. Ba năm học dựa theo chương-trình trung-học Pháp : năm thứ nhất theo chương-trình lớp seconde B (bây giờ là *seconde moderne*), năm thứ hai theo chương-trình lớp *première B*, và năm thứ ba cũng chia ra hai lớp *Philosophie* và *Mathématiques*. Tóm lại, đó chỉ là những lớp luyện học-sinh an-nam đi thi tú-tài tây. Thật là tiện lợi cho một số đông học-sinh an-nam « học để dùng ngay được việc », nhưng những ai « học để biết » hẳn phải tiếc cái nền trung học bản-xứ ngày xưa.

Tuy trung-học bản xứ đã thay đổi chí-hướng như vậy, chính-phủ vẫn còn giữ cái bằng tú-tài bản-xứ, hằng năm vẫn mở kỳ thi, cho đến khi nó bị « súp » hẳn (nghị-định 5 juillet 1942).

Nghị-định 10 septembre 1942 chính-thức công-nhận rằng ba năm « trung học Đông-dương » (enseignement secondaire indo-chinois), hoàn-toàn giống bậc nhì (second cycle) ban trung-học cận-đại của người Pháp, về tên lớp, cũng như về giờ học, về chương-trình, chỉ khác một điều : về pháp-văn và anh-văn, mỗi tuần-lễ ta học nhiều hơn người Pháp một giờ rưỡi.

> **Thống chế Pétain đã nói :**
>
> *« Hỡi các bạn thân qui, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc-Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố ».*

Còn điều-kiện để được vào trung-học Đông-dương thì vẫn do những nghị-định 24 janvier 1939 và 9 mai 1939 chỉ rõ phải có bằng-cấp gì và thể-lệ thi vào học ra sao.

Trong khi trung-học bản-xứ thay hình đổi dạng như vậy, cao-đẳng tiểu-học của ta cũng có đổi mới, nhưng chỉ về chương-trình học (nghị-định 3 février 1938) và thể-lệ thi ra (nghị-định 24 janvier 1939).

Tôi đã từng nói rằng C. Đ. T. H. của người Pháp cũng gồm bốn năm học, chứ không phải ba đâu Nghị-định 23 mai 1939 quả đã công-nhận điều ấy, vì nó tuyên bố rằng : từ septembre 1939 trở đi, về toán-pháp và khoa-học, năm thứ hai C. Đ. T. H. của ta theo chương-trình năm thứ nhất C. Đ. T. H. của Pháp, năm thứ ba của ta theo chương-trình năm thứ hai của Pháp, và sau cùng năm thứ tư của ta theo chương-trình năm thứ ba của Pháp. Học sinh Pháp, trước khi vào năm thứ nhất, phải học qua một năm ở lớp dự-bị ; như thế chung-qui cũng là bốn năm.

Nghị-định này đã công nhiên đặt C. Đ. T. H. của ta đứng ngang hàng với C. Đ. T. H. của người Pháp, đứng ngang bằng với bậc nhất (premier cycle) ban trung học cận-đại của Pháp, vì do nghị-định 11 avril 1938 của ông tổng-trưởng bộ Giáo-dục Pháp hai bậc học ấy của người Pháp cùng theo một chương-trình.

Sau 4 năm học, đỗ « Brevet élémentaire » hay « Brevet d'enseignement primaire supérieur » rồi, học-sinh Pháp có thể vào lớp *seconde* ở ban trung-học để học thi tú-tài.

Thì học-sinh An-nam cũng thế sau 4 năm học, đỗ « Diplôme d'études primaires supérieures » rồi, họ sẽ vào lớp *seconde B* trung học Đông dương để học thi tú-tài tây.

Đến đây, ta đã nhận thấy chỗ giống nhau trong sự tổ-chức nền học đệ-nhị-cấp của ta và của người Pháp. Nhưng sự cải-cách giáo dục gần đây ở Pháp đã bãi bỏ cao-đẳng tiểu-học Pháp, đổi nó ra làm bậc nhất trung-học cận-đại (premier cycle de l'enseignement secondaire moderne).

Ở Đông-dương, sự cải-cách đó đã thi-hành với những trường C. Đ. T. H. Pháp (nghị-định 31 mai 1942) : những trường này đã đổi thành « collèges » (sơ-đẳng trung-học).

(Còn nữa)

NGUYỄN NHÂN

Trở lạ vấn đề cống người vàng

(*Tiếp theo trang 3*)

— Tôi đương sẻ mình; xin kiếu!

Đó là lời vua Trần Thánh Tông từ-chối nhà Nguyên. Về việc này, tôi xin dẫn chứng bằng lời của Cao-Hùng-Trưng, người Tàu, tác-giả cuốn *An-nam chí kỷ yếu*: « Nguyên Thế-Tổ đã bình Vân nam. Trần Quang-Bình (5) dâng biểu sang cống; Thế-Tổ bèn phong Quang-Bình làm vương. Quang-Bình mất; Nhật-Hoàn tự lập làm vua. Thế Tổ vời vào chầu; Nhật-Hoàn cáo bịnh không đi ». Sau chữ « không đi » đó, tác-giả không hề chép thêm: Vua Trần ta phải dâng người vàng thế cho bản-thân chi hết.

Thời kỳ quyết-liệt đã đến! Bao nhiêu viễn nhân, cận nhân về cuộc Trần, Nguyên xung-đột đều dồn-dập cả vào một trào Trần Nhân (1278-1293)!

Lần này, hay tin tân quân mới lên ngôi, người Nguyên sai Lễ bộ thượng-thư là Sài-Xuân làm sứ, sang dỗ vua Trần vào chầu. Song không chịu khuất phục, vua Trần kiếm cách từ chối: « Tôi đây sinh ra và lớn lên ở nơi thâm cung, không quen phong-thổ lạ, không thể sang triều-cận được. » (6) Biết rõ đó chỉ là những lời chữa mình, người Nguyên lại làm khó dễ: sai Lương Tang sang dụ rằng nếu quốc-vương không vào chầu được thì nên dâng đồ vàng ngọc để thay-thế (7). Để giải quyết việc đó, vua Trần có sai người chú họ tên là Di-Ái cùng với bọn Lê Tuân, Lê Mục đi thay cho mình.

Có lẽ ở chỗ này, có nói người Nguyên bảo vua Trần nếu không sang chầu thì phải dâng vàng ngọc để thay-thế, nên người sau mới vin đó làm cớ, rồi đồ thừa cho vua Trần là người khởi đầu đem cống người vàng chăng.

Tức-tối vì nước ta nhiều lần mạn-đạn để kháng như vậy, người Nguyên bèn dở thủ-đoạn làm già: Họ sai Bốc-nhan-Thiếp-mộc-nhi sang làm tuyên phủ-sứ, đặt riêng một lớp quan-lại để chực sang cai-trị nước ta (8).

Sao chịu! Phải, sao chịu! Vua Trần Nhân chống-cự, không cho bọn quan lại Nguyên đó vào nước. Mông-cổ căm giận bèn lập Di-Ái làm Việt-quốc-vương, hồ Mục làm hàn-lâm học sĩ, Tuân làm trung-thư-lịnh, đi kèm có Sài Xuân cầm quân hộ tống về nước ta.

Tình hình đã vỡ lở như vậy, chỉ còn một đàng dụng võ là mới giải-quyết được thời-cuộc. Đánh! Đánh! vua Trần Nhân lập tức truyền lịnh đem quân đón đường đánh giết bọn tên Xuân. Còn bọn Di-Ái thì chạy bạt trốn về, đều phải phát vãng làm linh.

Đám mây chiến-tranh phủ kín góc trời Đại-Việt! Âm ầm kéo đến binh mã Mông-cổ chà nát luống cày đất ta! Lập mưu để chực đánh úp, Thoát-Hoan và Toa-Đô giả đò là mượn đường qua ta đi đánh Chiêm-thành.

Mạnh-mẽ cự tuyệt, vua Trần trả lời: « Từ nước Nam sang Chiêm-thành, đàng thủy đàng lục đều không tiện cả ». Để chứng thực việc này, tôi xin dẫn thêm mấy lời của tác-giả cuốn *An-nam chí kỷ yếu*: « Bọn tả-thừa Toa-Đô đi đánh Chiêm-thành, sai sứ sang hỏi mượn đường, nhưng nước An-nam không nghe ». Cứng lắm! Ngoại-giao có hậu thuẫn, nghe cũng có khác thật!

Thế rồi gươm lạnh như sương, tên đạn sầm-sập như mưa giỏ hai nước gặp nhau trên chiến-trường! Kết quả hai trận sau này: Toa-Đô rụng đầu, Ô-Mã-Nhi tan xác, quân Nguyên đại bại dưới bóng cờ anh dũng của chiến sĩ Đại-Việt do đức Trần Hưng-đạo cầm đầu! (9)

Mà cái oai võ của đời Trần bấy giờ đã làm cho Trần Cương Trung, sứ-giả nhà Nguyên, sau khi đi sứ Đại-Việt, vẫn còn hồi hộp sợ chết, mặc dầu Trần, Nguyên khi đó đã đình chiến hẳn. Chứng cớ ấy đã tỏ rõ ở trong bài thơ của Cương-Trung mà cụ Lê Quí-Đôn có dẫn trong *Kiến văn tiểu lục*:

« *Mệnh lạc Nam-châu nhất vũ khinh!* »

(*Phải đi sứ sang nước Nam thì tính-mạng cũng nhẹ như một chiếc lông*),

Và:

« *Dĩ hạnh qui lai thân kiện tại,*
« *Mộng trung do giác chướng hồn kinh!* »

(*May đã về đến nơi, thấy thân mình còn khỏe mạnh, nhưng trong lúc chiêm bao hãy còn kinh hãi về nỗi hồn phách lưởng-vưởng ở nơi lam-chướng*).

Coi đó đủ biết, về mặt quân-sự cũng như về mặt ngoại giao, Trần đều thắng-lợi cả.

Vả, đối với Nguyên, nhà Trần chẳng những đủ sức nghênh địch, ba lần đánh bại khải ca, lại còn dám làm bình thủ, sang tận tổ mà trừng-trị người Nguyên là khác

nữa! Ấy tôi muốn nói về việc đời Trần Anh-Tông (1293-1314) đem quân sang lấn-lướt đất Tàu:

Số là vua Trần Anh giận Triệu-Giác, tri-châu châu Trấn-an (Tàu), dám bắt người châu Tư-lãng bên ta, rồi lấy mất một lọ vàng, và xâm chiếm hơn ngàn mẫu ruộng, ngài bèn phái quân sang đánh hai châu Quy-thuận và Dương-lợi của nhà Nguyên, nhưng thanh ngôn là để bảo thủ cho người ở châu Tư-lãng. Khi thấy người Nguyên phản kháng về việc đó thì ngài trả lời rằng đó là do nơi biên-thùy tự gây ra việc lôi thôi, chứ bản-quốc có biết đâu tới.

Chính tác giả cuốn *An-nam chí kỷ yếu* cũng chép: « Nhằm năm Hoàng-khánh thứ hai (1313) đời Nguyên Nhân-Tông, quan Trần lấn-lướt hai châu Trấn-an và Quy-thuận, đánh hẫm Lộc-động và Kim-động, luôn dịp lại đốt phá Lợi-châu. Số quân bên Nguyên bị giết và bị bắt có tới vài ngàn người! » Đó, các bạn coi, nếu Trần không đầy đủ thực lực, sao dám gây sự với nhà Nguyên sau khi mình đã đánh thắng ba trận đại chiến?

Cứ lấy tâm-lý mà xét: Về phần nhà Nguyên, thấy mình đã bại trận nhiều lần và bị coi khinh như vậy, chắc họ chỉ muốn làm hòa cho êm chuyện, quyết không còn dám làm khó dễ trong cuộc ngoại giao với Trần nữa. Còn ta? Biết mình đứng trên địa-vị nước nhỏ, không muốn lôi thôi mãi với họ, nên dẫu mình có chiến thắng nhiều phen cũng muốn trang-trải thân-thiện với họ để nhân dân được yên nghỉ khỏi phải đẫm máu ở nơi chiến trường. Nhưng ta đã nắm phần thắng lợi trong tay thì, về việc ngoại-giao, cũng có thể rộng miệng cả tiếng, chứ không sợ sệt nỗi gì. Như vậy, nay chúng ta có thể phán đoán chắc chắn: Bấy giờ Nguyên quyết không dám bắt Trần phải cống người vàng; mà Trần cũng quyết không khi nào chịu làm một việc cớ nhục đến quốc-thể như vậy, mặc dầu Mông cổ có lòng tham lam.

(*Còn nữa*)

HOA-BẰNG

(1) *Nguyên Thế Tổ, tên là Hốt-Tất Liệt (Khoubilaï), giệt Tống, lên ngôi vua, kỷ nguyên là Chi-nguyên. Bấy giờ là năm Kỷ-mão, tức năm Thiệu bảo thứ nhất 1279) đời vua Trần Nhân-Tông.*

2) *Nhị hà có một tên khác là Lô-giang, lại có một tên nữa là Phú-lương giang (Hoàng Việt địa dư chí, quyển I tờ 19 b; Khâm định Việt sử quyển VI, tờ 42 a).*

3) *Việc tháng chạp, năm Nguyên-phong thứ bảy (1257). Khâm định Việt-sử quyển V, tờ 41 42*

4) *Việc tháng hai năm Thiệu long thứ chín (1266) — Khâm định Việt sử quyển VII, tờ 8 a.*

5) *Các vua ta thường dùng lối này: tên ở trong nước thì khác tên dùng trong quốc thư để giao thiệp với Tàu thì lại khác.*

6) *Việc năm Bảo-phù thứ sáu (1278). Khâm định Việt sử quyển VII, tờ 20.*

7, 8) *Việc tháng sáu, năm Thiệu bảo thứ tư (1282). — Khâm định Việt-sử, quyển VII, tờ 24 — 25.*

9) *Việc từ năm Thiệu-bảo thứ bảy (1285) đến năm Trùng hưng thứ tư (1288). Đại Việt sử ký toàn thư quyển V, tờ 44 — 54*

Kể từ nay, phàm các thư từ báo chí xin gửi về số 95-97 Chanceaulme, Hanoi; là trụ sở thống-nhất của bản chí và nhà in Tri-Tân.

Ty trị-sự kính cáo

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng:

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điền (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhớn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

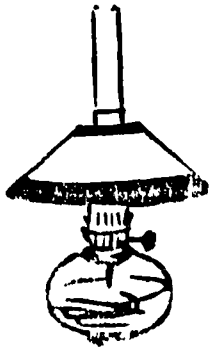

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 24

NGUYỄN HUY TƯỞNG

NGUYỄN Mại đồ ngay đấy là một cuộc trên bộc trong dâu luôn diễn trong phủ ô uế.

Chàng theo riết họ, chúng tiến vào một ngôi nhà nhỏ. Lửa vừa bật, người con trai kêu rú lên một tiếng kinh-hãi : ba người tráng sĩ bước vào. Một lưỡi kiếm sắc như nước kề ngay vào cổ hắn. Mại lạnh lùng hỏi :

Mi là ai ?

Bẩm quan lớn, con là Đào văn-Kiên tên kia đáp một-cách sợ hãi và ngập ngừng.

— Còn ả kia ?

Người con gái thưa :

— Bẩm quan lớn, chúng con là con nhà lương - thiện, bị bác này và mấy người nữa bắt vào trong phủ, xin quan lớn tha cho con được về.

Mại hỏi Kiên :

— Sao mi lại vô cớ bắt người lương thiện vào đây làm gì ?

— Bẩm quan lớn, chúng con theo lệnh quốc-cữu, bắt những mỹ nữ để quốc cữu dùng.

— Mi đã bắt cho quốc cữu, thì đem người ta đến đây làm gì ?

Mại nhìn người con gái, quả là một người mặt hoa da phấn, trông có vẻ e-lệ hơn là vẻ lẳng-lơ. Đào-văn Kiên thấy tráng-sĩ hỏi vặn, ấp-úng không sao đáp lại nên lời

Hắn định chạy trốn, nhưng Mại đã giữ hắn lại, bàn tay sắt của chàng bóp chặt bàn tay hắn. Hắn nhăn mặt kêu đau, lậy lấy lậy để. Mại cười nhạt nói :

Mi cậy thế cậu mi, ỷ quyền ức hiếp người ta. Ta nghe đồn mi là một trong ba tay sai đắc lực nhất của Đặng Lân ?

Đào văn-Kiên thất sắc, không hiểu làm sao tráng sĩ lại biết tỏ-tường anh thế

Mại tiếp

— Đêm hội Long-trì, mi có theo cậu mi đánh nhau với bọn học trò quốc-tử-giám. Ta còn nhớ rõ mặt mi. Tội-ác của mi nhiều lắm, nhưng ta cũng tha cho, tha cho cả cái tội này.

Mại lấy tay chỉ người con gái, rồi lại tiếp :

— Cậu mi mà biết mi tự-tiện thông-gian với người kia, chắc mi cũng không thoát chết. Nhưng ta làm ngơ cho. Ta chỉ cần ngươi giúp cho một công việc : Mau chỉ cho ta nhà giam công-tử Bảo-Kim. Ta là quan Hộ-thành binh-mã-sứ đây.

Đào-văn-Kiên trố mắt kinh ngạc nhìn Nguyễn-Mại, người mà chúng nó vừa sợ vừa thù ghét. Biết là có việc với một tay lão-luyện và sừng sỏ, Văn-Kiên nói :

— Bẩm lậy quan lớn, xin quan lớn tha phúc cho con. Bảo-Kim, công-tử con quan cố Nguyễn Thị-lang phải không ?

— Phải

— Chính hôm nay đến phiên con đánh các cậu ấy.

— Bấy người phải không ?

— Bẩm quan lớn, tám.

— Đó là các bạn ta. Mi dẫn ta đến, không những ta tha tội chết cho mi, mà còn thưởng công cho là đằng khác nữa. Đi mau !

Sợ tiết-lộ, chàng sai Đặng-Phan trói người thiếu nữ lại, rồi ba thày trò theo Đào-văn-Kiên đi. qua những nhà ngang dãy dọc, họ đến một căn nhà kiên-cố, ẩn trong cây-cối um-tùm. Đào-văn-Kiên lấy thìa khóa, mở chiếc cổng kín. Một mùi hôi hám xông ra. Nhà chia ra hai phần, ngăn nhau bởi một hàng chấn song bằng sắt lớn.

Gian ngoài là nơi canh, mỗi bên kê một hàng ghế ngựa dài có chừng năm tên gia-nhân nằm há hốc mồm ngủ lan ngủ lóc. Mại tiến đến trước chấn song; nhờ ánh đèn ở gian ngoài chàng thấy lờ mờ các bạn chàng. người nào chân tay đeo xiềng-xích nặng-nề, mặt mũi thì hốc-hác, mắt trõm sâu vào, râu tóc mọc rậm, Người nào cũng chỉ đeo một manh khố. Họ nằm trên rơm-rạ trông mập-mờ có vấy máu.

Đứng trước cảnh thảm-não ấy, Mại, tuy là một trang võ-tướng, cũng thấy bùi-ngùi, nhất là vì những kẻ bị giam kia lại là những bạn chí thiết của chàng. Chàng định gọi Bảo-Kim thì chợt nghe tiếng Đỗ tuấn-Giao lanh-lảnh ngâm :

Triết kích tram giang thiết vị tiêu..

Và thấy cả bọn đồng thanh ngâm theo. Nơi giam cầm bỗng chốc thành một hội tao đàn :

— Mại cười và lầm-bầm :

— Họ sung-sướng thực !

Rồi Mại quay về lại bảo Đào-văn-Kiên, hai bên có Phạm-Kinh và Đặng Phan tuốt kiếm đứng kèm :

— Mở chấn song ta.

Đào-văn-Kiên nói :

— Bẩm quan lớn, chúng con đã dẫn quan lớn tới đây, chả nhẽ còn giấu-giếm : Cứ mỗi buổi đánh các công-tử song, chúng con lại phải giao chìa khóa cho Phò mã ..

— Đánh từ hôm nào ?

Được bấy hôm nay, mỗi hôm hai lần đánh và chỉ cho ăn cháo cầm hơi ;

— Chủ mi thực đáng chết.

Chợt có tiếng ở đâu bàn-tán :

— Có phải anh Mại không ?

— Không có lẽ

— Chính anh ấy.

— Nhưng sao anh ấy lại vào đây ?

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Giới-thiệu

1°) Khảo luận về « Kim vân Kiều », phụ Thanh-hiên thi tập của *Đào-duy-Anh do Quan Hải tùng thư, Huế, xuất bản dày 250 trang, giá 2 $ 40.*

Kể ra các sách bàn về K. V. Kiều, từ xưa đến nay rất nhiều nhưng chưa có quyển nào viết bằng quốc-văn có giá-trị. Nay bạn Đ. D. Anh đã lưu-tâm kê cứu, khảo-sát, chép thành một quyển khảo-luận rất đầy-đủ, trong sách chép cả tiểu sử tác-giả, lai lịch sách, nhân-vật trong truyện, phê-bình văn-chương, tư-tưởng và địa-vị quyển Đoạn-trường Tân-thanh trong văn giới, dưới lại chép phụ lục các bài thơ của Ng. Du cho ta thấy cái tâm-sự bậc cố-thần nhà Lê gặp hồi quốc biến.

Quyển khảo-luận về K. V. Kiều này có thể dùng làm sách giáo-khoa về quốc văn trong các trường vì thể-tài giống như cuốn văn-học sử chép riêng về truyện Kiều.

2°) Trẻ con hát trẻ con chơi : Nguyễn văn Vĩnh, Mạnh Quỳnh trình bày. — *Thư xã A. de Rhodes mới cho ấn hành quyển sách trên sưu-tập tất cả các câu hát thông-thường của các trẻ em, cạnh mỗi câu hát đều có tranh vẽ, thật là một cuốn sách hè rất vui cho các trẻ em nhỏ, đọc để giải trí sau những thảng học cặm-cụi ở nhà trường.*

3°) Văn liệu từ điển *của Long Điền Nguyễn văn Minh, tựa của cụ Ng. văn Ngọc, Đốc học Hà-đông — sách in giấy tốt, ngót 400 trang, giá 5 $.*

Bạn Long Điền Nguyễn văn Minh trong bao năm giời sưu tầm các văn liệu này mới cho đem ấn hành quyển « văn liệu tự điển » thật là vừa hợp thời.

Đại-đề trong sách có các thành ngữ mà ta thường đọc ở các đoạn văn hoặc dùng điển, hoặc xuất xứ ở các văn thơ, những câu ấy đã được giải nghĩa và dẫn chứng một cách rõ-ràng.

Một tỉ dụ : ta đọc bài văn tế tướng-sĩ hồi Gia-Long có câu : « Đã mấy buổi sơn phong, hải lễ... » Nếu giở tự điển trang 288 sẽ thấy chua rành-mạch :

Sơn phong : gió núi : khi đức Thế Tổ Nguyễn Ánh đóng ở đảo giữa bể quân Tây sơn chợt đến vây, bỗng dưng giời nổi bão, thuyền Tây-sơn chìm đắm, Thế Tổ vượt được khỏi tràng vi.

Hải lễ : nước ngọt ở bể : khi đức Thế Tổ Nguyễn Ánh chạy ra bể, bảy ngày đêm không có nước uống, tự nhiên có một giòng nước ngọt, quân sĩ mới có nước dùng khỏi khát.

Vì thế nói đến công nghiệp nhà Nguyễn thường hay có bốn chữ « sơn phong hải lễ ».

Những tỉ dụ như thế đầy dẫy trong sách giúp ích cho ta những khi đọc đến các đoạn văn có dùng điển — mà văn-chương ta và Tàu thị phần nhiều là dùng điển hoặc « lấy chữ » ở trong sách truyện cả.

Công dụng quyển Từ điển văn liệu của bạn Long Điền xin nhường, các bạn thức giả trong nước phê phán. Duy xét về phương diện văn học thời quyển sách này rất cần cho các học sinh, nhất là bạn Cao-đẳng tiểu-học, thường ngày đọc quốc văn, đến những câu khó hiểu, những điển không biết lấy ở đâu, nếu có quyển văn-liệu tự-điển này sẽ thấy sự đọc sách có hứng-thú và bổ ích nhiều.

Nếu xét các điều các sách dùng kê-cứu, ta sẽ nhận thấy bạn Long Điền đã thu thập rất nhiều tài-liệu xưa và nay, trong số ấy có cả các lời tạp chí mà nay đã thôi không ấn-hành nữa.

Công việc của bạn Long-Điền thật đáng cho ta chú ý và khuyến khích, còn mong quyển thứ hai sẽ xuất bản để nối với quyển này và rồi « Văn liệu tự điển sẽ ra trọn bộ thời trong việc khảo cứu lại thêm được một tài-liệu đứng đắn và có ích.

Tri Tân xin vui lòng giới thiệu mấy quyển sách có giá trị trên đây cùng độc-giả thân yêu. *T. D*

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông. tên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3 $ 50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa Phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

Cước quyển lớn 0 $ 69, nhỏ 0 $ 30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

Sổ lạc quyên sùng tu phần mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa

(do Hội Khuyến Học Cantho lo chư)
(tiếp theo)

Qui ông Lương văn Thành Tòa Bố Cantho.	*10 $ 00*
Nguyễn-văn-Thuế, cai tổng Đ. An...	*5, 00*
Lê-thuận-Hòa, điền chủ Cầu Kè...	*50 00*
Phan-lương-Bản, kỹ-sư canh nông...	*5, 00*
Nguyễn-đại Liêng, điền chủ Long tuyền...	*10, 00*
Nguyễn-văn-Khải, kỹ sư khám Đạt...	*5, 00*
Nguyễn-văn Hiếu, sở Khám Đạt Cantho...	*2, 00*
Nguyễn văn-Định, sở Khám-Đạt Cantho...	*1, 00*
Phan văn Học, sở Khám Đạt Cantho..	*1, 00*
Nguyễn-đăng Khôi, sở Khám Đạt Cantho...	*1, 00*
Nguyễn-văn Xử. Tòa Bố Cantho..	*10 00*
Số chung. . . .	*100 $ 00*
Số trước. . . .	*298, 00*
Cả thảy. . . .	*398 $ 00*

(còn nữa)

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2 — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của Lê-văn-Nựu *Giá 0$50*

4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00

5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh vẽ bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$50 — Bản giấy Vergé bouffant *8$50*

Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

HÀN-THUYÊN
71, Tiên - Tsin, HANOI

« Loại sách văn hóa »
Mới có bán *2$20*

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ
QUYỂN II
trong bộ « Lịch sử thế giới »
của Nguyễn-đức-Quỳnh

ĐÃ XUẤT BẢN

NHẬN LOẠI TIẾN HÓA SỬ
của *Nguyễn bách-Khoa 1$80*

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI
của *Nguyễn-đức-Quỳnh 1$80*

ÓC KHOA HỌC
của *Phạm ngọc Khuê 2$20*

Mua một cuốn gửi trước, thêm 0p40 cước bảo.

ĐÃ CÓ BÁN :

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

Những thanh-ngữ và từ-ngữ của ta trong các thơ văn cổ kim đều định nghĩa rõ ràng, dẫn chứng cẩn thận rất tiện tra cứu *trong khi đọc sách* và *nhất cho các học sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC
Sách khổ rộng 16 × 25 Giá.. 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

Mua buôn xin viết thư thương-lượng.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

REVUE TRI TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường Phượng
Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi.